

Teach Children English

**VTV-2 BROADCAST PROGRAMME ON METHODOLOGY
IN AN ELT SITUATION FOR CHILDREN IN VIETNAM.**

Writer: Nguyen Quoc Hung, MA

HANOI 2004

NGUYỄN QUỐC HÙNG, MA

DẠY TRẺ HỌC TIẾNG ANH

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG VTV-2 VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY TRẺ VIỆT NAM
HỌC TIẾNG ANH.

CONTENTS (Mục Lục)

Syllabus Map

Part 1	Introduction Characteristics of Young Learners (Đặc thù của trẻ trong học tập)	1
Part 2	Children Learn English (Trẻ nhỏ học tiếng Anh)	9
Part 3	The MAT Method (Phương pháp MAT)	18
Part 4	The Challenges (Những Thách thức)	27

Part 5	The TPR Method (Phong pháp TPR)	38
Part 6	MAT & TPR (Sự phối hợp của MAT & TPR trong giảng dạy trên lớp)	47
Part 7	The CA. The DM. Let's Go: functions. The Teacher's Role: the Facilitator (Phong pháp Giao Tiếp, Phong pháp Trực tiếp, Let's Go: chức năng. Vai trò giáo viên: ngồi Tạo điều kiện)	55
Part 8	Teach Children to Listen, Speak, Read, and Write (Dạy trẻ học nghe, nói, đọc, viết)	62
Part 9	Using the Picture Dictionary (Sử dụng Tự điển Tranh)	73
Part 10	Class Observation (Dự lớp)	86

METHODOLOGY IN TEACHING CHILDREN ENGLISH VTV-2 BROADCAST PROGRAMME

SYLLABUS MAP

<i>PART</i>	<i>TITLE</i>	<i>CONTENT</i>	<i>ILLUSTRATIONS</i>
1	Introduction	1. Introduction to Let's Go 2. Characteristics of young learners: children are physical, have short attention, are comfortable with routines and enjoy repetition,	Let's Go syllabus <ul style="list-style-type: none"> Let's Go Video 1. Unit 1 : Let's Talk, Let's Sing. Unit 3. Unit 5 <ul style="list-style-type: none"> Game: Board Race Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school)
2	Children Learn English	1. Learning through watching, listening, imitating, doing things	<ul style="list-style-type: none"> Let's Go Video-1. Unit 4, Unit 5: Let's Talk, Let's Sing Flashcards LG-1 Let's Go Games: Bingo, Command Chain. Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): Let's Learn & Let's Learn Some More
3	The MAT Method	Brief introduction to the MAT method: Model, Action, Talk	<ul style="list-style-type: none"> Let's Go Video 1: Unit 6, Unit 7: Let's Talk. Let's Sing Filming a primary class

			<p>learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): children doing exercises from different units of Let's Go 1 to illustrate M-A-T</p> <ul style="list-style-type: none"> • Let's Go Games: Chain Drill, Conversation Lines, Walk and Talk, Hidden Words
4	The Challenges	The challenges to the Vietnamese teachers and how to improve their English (natural speed, natural rhythm, natural intonation and good pronunciation)	<ul style="list-style-type: none"> • Let's Go Video 1: Unit 1 (pronunciation practice). Let's Chant (practice rhythm). Unit 4 (pronunciation practice) • Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): children doing exercises from different units
5	The TPR Method	Language acquisition. Physical response High-speed understanding, long-term retention, zero stress, enjoyable for teachers and students.	<ul style="list-style-type: none"> • Let's Go Video 2: Unit 3. Let's Chant (Pick up your pencil) • Let's Go Games: Scramble <p>Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): children doing exercises from different units of Let's Go 1 to illustrate TPR.</p>

6	MAT & TPR	The combination of these two methods: Ask, Answer, Tell, Talk	<ul style="list-style-type: none"> • Let's Go Video 1. Unit 1. Unit 5. Unit 4. • Let's Go Games: Find your partners • Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): children doing exercises from different units of Let's Go Video1 to illustrate the combination of MAT & TPR.
7	Communicative Approach	Building language competence: Introducing functions from the 8 units of Let's Go 2 (syllabus map) The teacher's role: facilitator.	<ul style="list-style-type: none"> • Let's Go Video-2: Let's Talk (8 units) • Let's Go-1. Unit 7: Let's Learn Some More • Let's Go Games: Back-to- back Telephone. Slap • Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): children doing exercises from different units of Let's Go 1 to illustrate the functional approach
8	Teach Children to Listen, speak, Read and Write	Classroom techniques in teaching the four skills	<ul style="list-style-type: none"> • Let's Go Video-2. Unit 8: Let's Talk. Let's Sing. Unit 6: Let's Talk. Unit 2: Let's Talk • Wall chart. Unit 4 Level 1: Let's Learn • Let's Chant: Listen Carefully • Let's Go Games: Rhythm. Scrabble • Filming a primary class learning Let's Go 1 (Doan Thi Diem school): children doing exercises from different units of Let's Go 1 to illustrate the teaching of the four skills
9	Using a Dictionary	Introducing OUP's Let's Go Picture Dictionary	<ul style="list-style-type: none"> • Various kinds of exercises using the Let's Go Picture Dictionary to increase vocabulary and drill on the four skills
10	Class Observation	Model teaching: Let's Go-1 Unit 8	<ul style="list-style-type: none"> • Use all the components in unit 8: Let's Talk. Let's Sing. Let's Learn. Let's Learn Some More. Let's Move. Let's Listen. • Let's Go Games: Delay Race. Charades

PROPOSED BROADCAST TIME TABLE

Monday (First show)	Time 22:30	Tuesday (Repeated)	Time 13:00
9 August Part-1		10 August	
23 August Part-2		24 August	
6 September Part-3		7 September	
20 September Part-4		21 September	
11 October Part-5		12 October	
18 October Part-6		19 October	
25 October Part-7		26 October	
8 November Part-8		9 November	
22 November Part 9		23 November	
6 December Part-10		7 December	

The opening show is on 9 August 2004

ACKNOWLEDGEMENT

I would like to give special thanks to:

The Oxford University Press who provides me with all the materials I need to write this book and the TV broadcast programme. Without their input this book could not have existed.

The Vietnam Television (VTV-2) who broadcast the "Teach Children English (Dạy trẻ học tiếng Anh) programme based on this book.

The many hundreds of teachers I have worked with on our training courses, whose view of the teaching of children is of great appreciation.

The children whose imagination and liveliness in learning is of great encouragement for me to write this book and realise the TV programme.

**PART 1: GIỚI THIỆU
(INTRODUCTION)**

Khi hình thành một lớp dạy tiếng, một yếu tố quan trọng chúng ta cần quan tâm, đó là lứa tuổi. Trong quyển sách này chúng tôi muốn trình bày về quy trình dạy tiếng cho trẻ ở độ tuổi 8-12.

Ở lứa tuổi tiểu học, khác với lứa tuổi mẫu giáo, chúng ta đã phải nói đến việc thiết kế một chương trình dạy tiếng có mục tiêu ngôn ngữ rõ ràng. Hay nói một cách khác chúng ta cần xác định một bản đồ ngữ liệu (syllabus map) cho từng khoá học, từ đó biên soạn một bộ sách giáo khoa thích hợp với lứa tuổi.

Chúng ta cần thiết kế một bộ sách dạy-học tiếng Anh cho trẻ không phải là người bản ngữ và học tiếng Anh lần đầu. Chủ đề và tình huống quen thuộc với lứa tuổi. Trong quyển sách này chúng tôi sẽ sử dụng bộ sách Let's Go của nhà xuất bản Oxford (OUP) để minh họa cho quan điểm dạy tiếng Anh cho trẻ. Bộ sách nhấn mạnh vào khả năng giao tiếp theo một hệ thống ngữ pháp có khung chế, đưa vào những hoạt động giao tiếp hai chiều.

Let's Go hay bất cứ một hệ thống sách dạy tiếng nào cũng đều mang hàm ý về phương pháp. Nó đòi hỏi người thầy thực hiện được những mục tiêu ngôn ngữ thông qua phương pháp giảng dạy. Nếu một quyển sách biên soạn theo quan điểm CA (communicative approach), nhưng gặp người thầy quá say sưa với ngữ pháp thì học trò cũng sẽ bị biến thành những quyển sách ngữ pháp biết đi (walking grammar books).

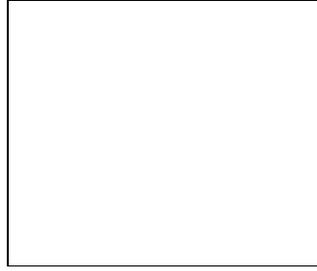
Nhưng trước hết chúng ta hãy bàn đến vấn đề cần phải quan tâm là: *đặc thù của đối tượng của chúng ta.*

Hình hình ảnh một lớp đang chơi trò chơi.

ĐẶC THÙ CỦA TRẺ TRONG HỌC TẬP (CHARACTERISTICS OF THE YOUNG LEARNER)

Chúng ta đều biết *trẻ em rất hiếu động (Children are physical)*. Trẻ của chúng ta thích hiểu biết cái mới thông qua những hành động do chính mình làm, rồi từ đó rút ra những suy nghĩ về cái mới đó, đôi khi còn có cách giải thích riêng của mình về cái mới.

Hình hai học sinh: bắt tay nhau và nói: How are you? I'm fine thank



Vì thế giờ học ngoại ngữ phải là giờ đưa học sinh vào hoạt động giao tiếp thực, tức là học sinh được giao tiếp một cách có ấn tượng, nhằm tạo ra một phản xạ mới, tức là phản xạ sử dụng ngôn ngữ mới trong tình huống cũ.

Khi trẻ Việt Nam gặp nhau thường hỏi: *Cậu đi đâu đấy? Cậu đi học à?*, v.v. Đó là tình huống trẻ Việt Nam thường gặp, chúng ta tạm gọi là tình huống cũ. Trong cùng tình huống ấy, trẻ người Anh hỏi *How are you?* Vậy thì để tạo phản xạ mới này trong tình huống cũ ấy, nếu chúng ta chỉ giải thích và bắt trẻ đọc thuộc lòng câu: *How are you?* thì có thể thành công trong chốc lát, tức là thành công trong việc bắt trẻ nhắc lại đúng, nhưng không tạo được phản xạ trong tình huống. Để đáp ứng với tính hiếu động chúng ta cần tạo điều kiện cho trẻ được chính mình thực sự xử lý các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp thực, không thể bắt chước thủ pháp đối với người lớn là: lưu kho, tức là dạy sẵn một số mẫu câu, lưu lại trong óc, rồi khi cần mang ra sử dụng.

Điểm thứ hai là: *trẻ không tập trung được lâu (Children have short attention)*. Chúng ta có thể thấy trong nhiều cuộc hội họp của người lớn, từng nhóm từng nhóm thì thảo luận chuyện riêng, không quan tâm đến chủ toạ đang nói gì. Đó là thói quen rất xấu, nhưng nó khác với con trẻ ở chỗ: người lớn làm việc đó một cách có ý thức, còn con trẻ, rất tự nhiên. Tự nhiên ở chỗ trẻ không có khả năng tập trung tư tưởng vào một vấn đề trong một thời gian dài, kể cả khi vấn đề đó là vấn đề rất hấp dẫn. Thời gian dài ở trẻ có khi chỉ là vài phút đồng hồ. Vì thế chúng ta thấy một tiết học của trẻ nhỏ chỉ là 25-30 phút, trong khi đó tiết học của người lớn là 60 phút hoặc 90 phút.

Trước tính cách này, một lớp học tiếng cần được tổ chức sao cho quy trình học trên lớp phải đa dạng về hoạt động và phải thay đổi luôn, không nên để một dạng thức hoạt động, dù là sinh động đi chăng nữa, kéo dài quá. Chẳng hạn

Chúng ta dạy hỏi tên: *What's your name?*





Đây là một dạng thức hoạt động. Chúng ta không nên kéo dài phương thức bắt trẻ hỏi tên bạn bên cạnh, mà có thể thay đổi phương thức như:

- Một học sinh ngồi đầu bàn chạy xuống cuối lớp hỏi tên một bạn ngồi ở bàn cuối.
- Cho một học sinh đi ra ngoài lớp giả vờ mới đi vào, một bạn chạy ra hỏi tên.
- Cho một nhóm đứng dạy hát bài "What's your name?"
- Cho một nhóm đứng dạy đọc thơ bài "What's your name?"

Một đặc thù nữa của trẻ là thích *chơi mà học (Play to learn)*. Điều này giáo học pháp hiện đại không những công nhận đối với các lớp trẻ nhỏ, mà còn đối với cả những lớp lớn như học sinh trung học (young adults). Với những phương tiện hiện đại ngày nay giáo học pháp dạy tiếng đã gần như đáp ứng tốt những nhu cầu này của trẻ. Chúng ta có đủ các loại hình để phát triển những quan điểm trên

- Học bằng video với chương trình thuần túy hoạt hình. Ví dụ chương trình phát sóng VTV-2: Muzzy in Gondolan and Muzzy Comes Back.)
- Học bằng video với chương trình kết hợp hoạt hình với người thực. Ví dụ chương trình phát sóng Hanoi TV: Bravo!
- Học thông qua chương trình đọc thơ: 100 Nursery Rhymes (Video)
- Học thông qua các bài hát: Let's Chant, Let's Sing (audio tapes, OUP)
- Học qua các trò chơi: Scrabble và nhiều trò chơi giới thiệu trong bộ Let's Go (OUP)
- Học qua các câu chuyện: cô giáo kể, học trò nghe, hoặc nghe truyện qua băng hình: Alice in Wonderland, Cinderella, Aladin, v.v., hoặc nghe truyện qua băng tiếng: Ali Baba and Forty Thieves (chương trình phát sóng Vietnam Radio), v.v.

Và cuối cùng là trẻ cần những yếu tố lặp đi lặp lại (*Children are comfortable with routines and enjoy repetition*). Hoạt động lặp đi lặp lại trong học tiếng vừa dùng để giới thiệu ngữ liệu mới vừa dùng để củng cố ngữ liệu cũ. Hoạt động này khi dạy tiếng Anh cho người lớn cũng là hoạt động rất cần thiết. Sự lặp đi lặp lại không thuần túy là

nhắc lại nguyên si một ngữ liệu nào đó. Ở trẻ nhỏ, chúng ta lại càng không nên sử dụng hình thức này. Cùng một ngữ liệu, chúng ta có nhiều cách để cuốn chiếu.

Chúng ta có thể dùng tình huống khác nhau để lặp lại một yếu tố ngôn ngữ. Ví dụ

- Một học sinh đi vào lớp, ngồi xuống cạnh bạn.
S1: How are you?
S2: I'm fine, thanks.
- Hai học sinh đi ngoài đường, gặp nhau vừa đi vừa nói
S1: How are you?
S2: I'm fine, thanks.

Chúng ta có thể dùng các loại hình bài tập khác nhau để nhắc lại. Ví dụ

- Viết chính tả theo ba mục tiêu: nói, nghe, viết: một dãy lớp đọc to câu hỏi "How are you?", rồi viết xuống giấy. Dãy lớp bên kia trả lời "I'm fine, thank you." rồi viết xuống giấy.
- Gõ tay vào bàn, tập đọc.
- Tập hát bài "How are you?".

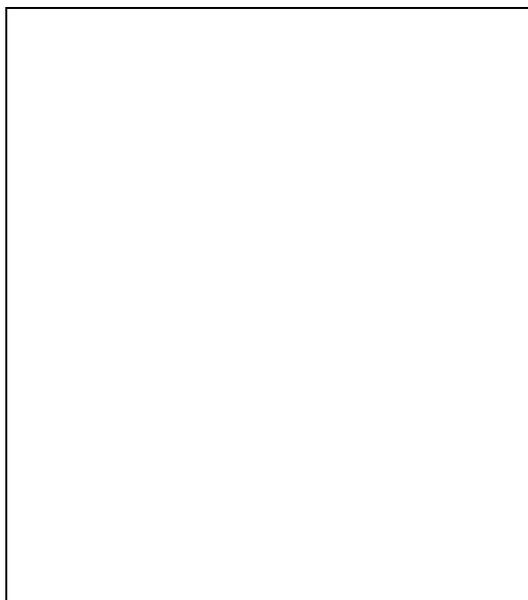
Vậy là trong những việc làm trên, để đáp ứng đặc thù của trẻ trong quy trình học tiếng, chúng ta đã dùng những kỹ thuật và loại hình bài tập nhằm đưa trẻ vào giao tiếp thực (*bring children to real communication*) tạo điều kiện hình thành một cộng đồng hợp tác với nhau trong học tập (*establish cooperation*).

Cũng trong môi trường đó học sinh được tiếp xúc nhiều với tiếng Anh bản ngữ thông qua học hát bằng băng audio hoặc/và video, xem băng hoạt động của các bạn người Anh, v.v. học sinh thực sự trở thành những thành tố tích cực của bài giảng, giảm tới mức tối đa hiện tượng thầy quên trò để tự luyện cho mình. Thầy nói nhiều quá.

Trong môi trường học tập đầy không khí thân thiện như vậy (*friendly environment*) người thầy có nhiệm vụ tăng cường sự thân thiện ấy, tránh những hành vi cáu gắt, mắng mỏ học sinh. Giáo học pháp hiện đại đã khẳng định sự nghiêm khắc thông qua hình phạt không có tác dụng tích cực, mà có lẽ chưa bao giờ có tác dụng tích cực đối với trẻ nhỏ.

Đến đây chúng ta hãy cùng nhau xem xét một vài bài học đầu tiên dành cho trẻ nhỏ. Nó đã đáp ứng bốn đặc thù của trẻ như thế nào?

Chụp lại Let's Talk của Let's Go. Init 1



Như vậy là ngay trong phần giới thiệu ngữ liệu

What's your name?

How are you? I'm fine.

chúng ta đã nhận ra những yếu tố đáp ứng đặc thù: trẻ nhỏ không tập trung được lâu. Nếu chúng ta chỉ cho trẻ từng em hỏi tên, rồi em bên cạnh trả lời thì đến em thứ ba, thứ tư là bắt đầu nhàm chán. Trong video clip vừa rồi, cùng một bài tập hỏi tên *What's your name?*, chúng ta bắt đầu bằng sự xuất hiện của Andy, tự giới thiệu tên mình, rồi đến Kate. Sau đó thì có sự thay đổi, khi học sinh thứ ba xuất hiện là bắt đầu xuất hiện sự giao tiếp trực diện. Kate hỏi tên và John trả lời. Trong khi đó Andy không đứng ngoài cuộc mà vẫn nghiêng ngó nhìn người bạn mới xuất hiện, tạo khung cảnh giao tiếp tự nhiên.

Khi Jenny, người thứ tư xuất hiện, thì tình huống lại thay đổi một chút, học sinh này đầu tiên chỉ giao tiếp với khán giả, không biết có các bạn đứng ở hàng trên. Jenny hơi giật mình khi nghe thấy câu hỏi "*What's your name?*". Bé ngẩng lên trả lời, và hỏi lại. Đến đây chúng ta đã hình thành một nhóm giao tiếp. Liza xuất hiện, và lại ngạc nhiên khi thấy có đông bạn quá. Liza nhập ngay vào cuộc làm quen nhau. Rồi đến Scott.

Và cuối cùng cả nhóm này kéo khán giả vào nhóm của mình bằng câu chào và hỏi tên. Tuy chỉ là một video clip khoảng chưa đầy một phút, và ngữ liệu đơn giản, nhưng chúng ta đã thấy nó đáp ứng nhu cầu (1) tự trẻ hoạt động để tiếp thu ngôn ngữ mới, (2)

ngôn ngữ xuất hiện trong tình huống thực, (3) thay đổi hình thức tiếp thu yếu tố ngôn ngữ và, (4) yếu tố ngôn ngữ mục tiêu được lặp đi lặp lại với cùng một hình thức, nhưng thay đổi thủ pháp.

Lẽ dĩ nhiên trong một lớp học, *video clip* này cũng vẫn chỉ là *demo* (làm mẫu để giới thiệu), và chúng ta cần đưa chính học sinh của chúng ta vào hoạt động theo xu hướng trên. Để làm được việc này, chúng ta cho học sinh hoạt động theo đôi (*pair work*), theo nhóm (*group work*), và cả lớp (*class work*) để học hỏi và nói tên.

Pair work: hai học sinh đi từ ngoài vào trong lớp hỏi và trả lời tên. (Một vài đôi như vậy)

Group work: Ba học sinh đi từ ngoài vào. Hai học sinh ngồi sẵn trong lớp đứng dạy ra chào và cả nhóm giao tiếp.

Class work: Học sinh ngồi chỗ này ngoái lên, ngoái xuống, ngoái người sang bên, hỏi tên nhau.

Loại hình giới thiệu và luyện ngữ điệu này, chúng ta gọi là *Presentation & Practice* cũng được áp dụng cho những ngữ liệu khác, ví dụ Let's Go-1, Unit 2: *How are you? I'm fine, thank you.*

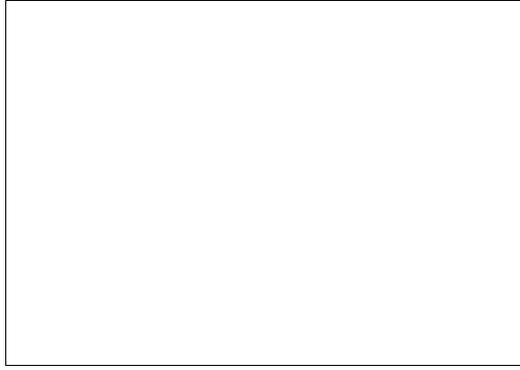
Xem trong băng video chúng ta thấy có sự khác nhau về điểm văn hoá: học sinh người Anh gặp nhau ở ngoài đường thì hỏi: *How are you?* và trả lời *I'm fine. Thank you.* Và trẻ nhỏ ở Anh nhiều khi cũng bắt tay nhau như người lớn.

Nhằm tạo điều kiện cho chính học sinh của mình hoạt động, chúng ta đưa tình huống này vào trong lớp bằng cách (1) tạo ra sự gặp gỡ của hai học sinh ở cửa lớp, (2) tạo ra sự gặp gỡ của một học sinh ngồi trong lớp và một học sinh đi vào lớp, (3) tạo ra sự gặp gỡ của cô giáo đi vào lớp và học sinh.

Ngữ liệu mới học trên, thông qua *demo* và thông qua hoạt động của học sinh, lại có thể thâm nhập một lần nữa vào học sinh bằng một con đường dễ chịu nhất: đó là hát để học.

Chụp lại hai bài hát Unit 3: *This is my friend, Sarah* Unit 5: *I'm seven years old. Happy Birthday.*

(Xem nếu có trong Let's Chant, Let's Sing thì chụp cả bản nhạc)



Khi cho học sinh của chúng ta học hát, điều quan trọng nhất là trẻ phải được luyện đọc lời của bài hát một cách chính xác. Với những bài dễ hát, chúng ta có thể bật băng cho học sinh hát theo mà không cần học từng câu. Sau đó nên dựng mỗi bài hát thành một tiết mục biểu diễn, không dập khuôn theo bài hát trong *video clip*. Chúng ta lưu các tiết mục này thành một kho để có dịp là mang ra biểu diễn.

Ngoài loại hình học chữ và hát để học, mỗi bài học của chúng ta nên bao gồm cả trò chơi ngôn ngữ. Chúng ta hãy quan sát một trò chơi của trẻ: *Board Race*. Mục đích của trò chơi này là củng cố từ vựng đã học.

BOARD RACE

Có nhiều cách chơi, và tất cả các cách chơi đều khích lệ học sinh gọi nhớ lại được từ đã học. Một trong những cách chơi là chia học sinh trong lớp thành nhiều đội. Đặt một loạt phiếu từ hoặc phiếu tranh dọc theo rãnh phần trên bảng (hoặc là gắn lên bảng). Giáo viên đọc to một từ trong số đó. Mỗi đội một học sinh chạy đua lên bảng, chạm tay vào phiếu từ đó.

Hoặc có cách khác là không đặt phiếu tranh lên bảng, mà giáo viên đọc to lên một từ (chỉ đồ vật, con vật). Mỗi đội một học sinh lên bảng vẽ tranh minh họa cho từ đó. Ai vẽ đúng thì được điểm. Đội nào có điểm cao nhất thì thắng.

Có một cách chơi khác nữa thường dùng cho lớp ít học sinh là cho học sinh xếp thành từng hàng trước bảng. Hai học sinh đứng đầu hàng bước lên sát bảng. Cho hai học sinh đó mỗi người một thước kẻ hoặc một bút viết bảng. Giáo viên đọc to một từ lên. Hai học sinh đó đua nhau chạy lên vừa chỉ vào phiếu có từ đó vừa đọc to từ đó lên. Học sinh làm đúng hơn (nhanh hơn) được đứng lại ở đó, chờ bạn tiếp sau lên chơi tiếp.

Học sinh bị thua trao lại thước kẻ cho bạn đứng sau. Cứ như vậy chơi cho đến người cuối cùng.

Trong việc học của trẻ nếu chúng ta phối hợp được hoạt động trên lớp của các thầy cô, với sự khích lệ và chỉ dẫn của phụ huynh ở nhà, thì chúng ta đã tạo ra môi trường lý tưởng cho học sinh. Sự phối hợp này cần một sự thống nhất, có như thế mới tránh được cho con em mình sự lúng túng phải đứng giữa bố mẹ và thầy cô. Cùng nhau tham khảo về phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ chính là giúp chúng ta giải toả được sự khác biệt, nếu có.

Một giờ học không chỉ đơn giản học chữ, như chúng ta thấy. Chúng ta có thể phát triển ngữ liệu phong phú hơn. Trong những phần sau này chúng tôi xin trình bày những phương pháp phổ biến, dùng để dạy tiếng Anh cho trẻ. Trong mỗi phần chúng tôi đều trình bày quan niệm, minh hoạ cho những quan niệm ấy bằng các kỹ thuật dạy học dưới mọi hình thức có thể, như nghe, nói, đọc, viết, video clip, hát, đọc thơ, v.v., đồng thời chúng ta cùng nhau xác định những bình diện mà người thầy cần phải hoàn thiện mình để làm mẫu cho học sinh. Trong phần cuối cùng, Phần 10 chúng ta tham khảo một buổi học tiếng Anh của một lớp tiểu học.

Trong Phần Hai, chúng tôi xin trình bày quan điểm: trẻ với tư cách là người học tiếng (language learner) thì có những đặc thù gì, và chúng ta đáp ứng những đặc thù đó như thế nào.

PART 2: TRẺ NHỎ HỌC TIẾNG ANH (CHILDREN LEARN ENGLISH)

Khi nói đến học tiếng Anh, quan niệm chung của xã hội là làm sao tìm được một thầy giỏi và một quyển sách giáo khoa tốt, thế là có thể học nói giống được như người Anh.

Ở góc độ chuyên môn, việc thiết kế một bộ sách, tức là thiết kế yếu tố cơ bản của một quy trình giảng dạy trên lớp đòi hỏi những tiêu chí rất khắt khe. Không có một quyển sách nào dành cho tất cả các đối tượng. Không có một sự thể hiện trên lớp nào là mẫu mực cho mọi đối tượng. Rất ít có những loại hình bài tập mà mọi đối tượng đều sử dụng được, và rất ít có những tình huống mà mọi đối tượng đều khai thác tốt được. Nói như vậy chúng ta cũng thấy một điều là: đối tượng, hay nói cách khác là "người học" (learner) là một mục tiêu chúng ta cần quan tâm. Đối tượng của các quan điểm phương pháp mà chúng tôi trình bày trong quyển sách này là trẻ nhỏ ở độ tuổi 8-12 học tiếng Anh.

Trong Phần Một chúng tôi cũng đã nói đến đặc thù của trẻ trong học tập nói chung. Bây giờ chúng ta có thể nói sâu hơn là trẻ nhỏ với tư cách là một người học tiếng (language learner) thì như thế nào.

Trong cuốn sách *English for Primary Teachers*, tác giả *Mary Slattery* và *Jane Willis* đã nói rất rõ rằng trẻ nhỏ trong độ tuổi 8-12 đang phát triển rất nhanh đặc thù cá biệt của mình. Vì thế khi giảng dạy, người thầy càng quan tâm được nhiều đến những đặc thù này, thì khả năng thành công càng lớn.

Điều thứ hai mà Mary và Jane nói đến là trẻ nhỏ trong độ tuổi này cũng đang học đọc và học viết tiếng mẹ đẻ. Điều đó làm cho nhiều người có thể đặt câu hỏi: Vậy việc học thêm một ngoại ngữ ở giai đoạn này có tác động tiêu cực gì đến quy trình tiếp thu tiếng mẹ đẻ? Chúng ta hãy lấy con số cụ thể, coi như một lời bình: ở Việt Nam trẻ học tiếng Anh nhiều lắm chỉ có hai buổi một tuần, mỗi buổi 30 phút, tổng cộng 60 phút/tuần. Số giờ này chỉ là một con số quá nhỏ so với tổng số giờ học các môn học bằng tiếng Việt, là một số giờ không đáng kể gì so với tổng số giờ nói tiếng Việt hàng ngày của trẻ, cả ở trên lớp, cả những lúc đi chơi, nghỉ ngơi, và cả trong sinh hoạt ở nhà. Trong môi trường phi bản ngữ ấy, người ta thường hay nói đến sự tác động tiêu cực từ phía tiếng mẹ đẻ sang ngoại ngữ, hơn là từ ngoại ngữ sang tiếng mẹ đẻ.

Mary và Jane cũng nói rằng ở độ tuổi tiểu học trẻ cần được học tiếng qua nhiều phương thức. Hai tác giả có đề cập đến bốn phương thức:

một nhóm học trò đang ngồi
xem băng video

một nhóm học sinh ngồi
đeo tai nghe, trước mặt là
một máy ghi âm.

Một là, học thông qua nhìn:
WATCHING

Hai là, học thông qua
nghe: LISTENING

Hai học sinh bắt tay nhau.

Hình ảnh học sinh đang
chơi trò chơi

Ba là, học thông qua bắt
chước: IMITATING

Bốn là, học thông qua
làm: DOING THINGS

Trong việc học này các tác giả có nhấn mạnh một điểm, khác hẳn với người lớn là trẻ nhỏ không có khả năng hiểu các quy tắc ngữ pháp, không hiểu được những giải thích về ngôn ngữ. Chẳng hạn những quy tắc về dùng thời của động từ. Giả sử chúng ta giải thích thời hiện tại hoàn thành (present perfect) dùng cho hành động đã xảy ra trong quá khứ, thời gian không xác định, v.v. Điều đó thật quá trừu tượng, trẻ không có khả năng tưởng tượng ra nội dung của quy tắc để hiểu được, chứ chưa nói đến ghi nhớ được.

Ngoài ra Mary và Jane còn nhấn mạnh hai điểm Thứ nhất là trẻ nhỏ có khả năng rất nhanh nhạy trong việc hiểu tình huống thông qua những yếu tố giao tiếp không thành lời (non-verbal). Nhiều khi cô giáo chỉ có một động tác nhỏ là trò đã biết ý cô rồi. Điều này giúp ích rất nhiều cho việc người thầy sử dụng nhiều các động tác giao tiếp không thành lời để điều khiển và điều chỉnh hoạt động của trò, tạo không khí giao tiếp tự nhiên, hạn chế sự can thiệp bằng lời của người thầy.

Thứ hai là trẻ rất thích trò chơi, hơn nữa còn sử dụng được nhiều khả năng tưởng tượng trong khi chơi. Chẳng hạn trò chơi *Bingo*.

BINGO

Trò chơi này tăng cường năng lực ghi nhớ và nghe hiểu. Phát cho mỗi học sinh một bảng gồm 9 ô vuông, ba hàng, mỗi hàng ba ô. Học sinh chọn 9 từ hoặc 9 phiếu tranh (dựa trên số lượng từ vựng trong bài học), sau đó xếp chín từ đó vào 9 ô của mình.

Thu nhỏ 9 phiếu học sinh
bất kỳ lấp vào 9 ô này.

Người gọi (the caller) (giáo viên hoặc học sinh) rút một phiếu trong số một loạt phiếu giống nhau, và đọc to từ hoặc nhóm từ ghi trên phiếu. Học sinh nào có phiếu có từ ấy thì lật úp chiếc phiếu của mình xuống (hoặc lấy giấy phủ lên để che đi). Học sinh nào che được ba ô vuông hoặc theo hàng ngang hoặc trên xuống, hoặc theo đường chéo thì thắng cuộc.

Biến thể: Có thể không dùng bảng ô vuông. Học sinh chỉ cần xếp từ theo cột dọc và cột ngang. Có thể không dùng phiếu tranh, mà học sinh tự viết từ vào các ô của mình.

Nhiều khi người lớn chúng ta thấy trẻ nhỏ chơi những trò chơi điện tử mà chúng ta không hiểu, chúng ta cho là chán ngắt, nhưng chúng vẫn chơi một cách say sưa vì lúc đó chúng phát huy trí tưởng tượng theo kiểu riêng của mình. Hơn nữa trong trò chơi, đặc tính tò mò của trẻ nhỏ được thoả mãn ở mức độ cao. Đó là những bình diện tạo ra sự thu hút trẻ vào trò chơi.

Tất cả những yếu tố trên làm cho các nhà giáo học pháp dạy tiếng phải suy nghĩ đến thiết kế những chương trình dạy tiếng phát huy được đặc điểm tích cực của trẻ nhỏ.

Cân đo bốn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, nói, nghe, đọc, viết, thì chúng ta tìm ra một kỹ năng có khả năng đáp ứng nhu cầu thiết kế là giúp trẻ nhỏ tự mình làm một cách chủ động, đó là hoạt động nói. *Hoạt động nói* giúp cho trẻ cơ hội làm một điều gì đó, và tiếp thu cái mới qua làm việc đó. Hoạt động này phải được coi là trung tâm của hoạt động trên lớp. Sau đây là một minh hoạ cho kiểu giới thiệu ngữ liệu thông qua hoạt động nói. Chúng ta tạm gọi là quy trình LET'S TALK.

Talk là yếu tố quan trọng đối với trẻ nhỏ, vì nó kích lệ lòng ham muốn của học sinh tham gia vào hoạt động. Đứng ở góc độ chuyên môn, ngay từ đầu chúng ta dạy học sinh nói là chúng ta đã dạy tổng hợp được những yếu tố phát âm, ngữ điệu và nhịp điệu, cùng tốc độ nói tự nhiên. Đây là những yếu tố xa lạ với trẻ người Việt. Như chúng ta đã thấy, trẻ nhỏ không hiểu được những giải thích ngôn ngữ học, như khi nào thì lên giọng, trọng âm từ rơi vào âm tiết thứ mấy, v.v. do đó *Let's Talk đã phát huy điểm mạnh của trẻ là khả năng giới bất chú* để đưa những yếu tố có tính quy luật vào đầu trẻ. Vậy hoạt động nói là hoạt động phức tạp và kỳ công. Kỳ công vì nó phải thay hoàn toàn cái cũ bằng thói quen mới: hàng ngày trẻ nói bằng thanh điệu (đặc thù tiếng Việt) thì nay thay bằng trọng âm (đặc thù tiếng Anh), hàng ngày trẻ dùng từ vựng để thể hiện tình cảm (đó là tiếng Việt) thì nay dùng ngữ điệu (đó là tiếng Anh), v.v.

Trong Phần 1 của chương trình này chúng ta có nói đến yếu tố cuốn chiếu. Nó phải được thể hiện trong bài học bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần một yếu tố. Nhưng ngược lại trẻ cũng lại có đặc thù là không tập trung được lâu (*short attention*). Như vậy yêu cầu cuốn chiếu không thể thực hiện theo thủ pháp thuần túy nhắc lại một đơn vị ngôn ngữ nhiều lần (như đối với người lớn). Hay nói một cách khác chúng ta phải thay đổi loại hình giới thiệu một ngữ liệu: cùng một ngữ liệu, cùng một mục đích nhưng thể hiện bằng các loại hình khác nhau để thực hiện mục đích cuốn chiếu. Ví dụ các phần Let's Talk và Let's Sing của một unit trong hệ thống Let's Go.

Thu nhỏ trang 10. Unit 2. Let's Talk (Let's Go 1A)	Thu nhỏ trang 11 (màu). Unit 2. Let's Sing (Let's Go 1A)
--	--

Như vậy trong phần LET'S TALK chúng ta thấy câu đáp lại lời giới thiệu của bạn *It's nice to meet you.* được nhắc lại hai lần. Và có lẽ thế là vừa đủ để học sinh chưa cảm thấy chán. Lập tức chúng ta cho yếu tố đó được nhắc lại tới 16 lần thông qua một bài hát. Rõ ràng đối với một học sinh chóng chán đến đâu cũng không thể chán được. Trong thiết kế đáp ứng nhu cầu cuốn chiếu, việc sử dụng bài hát là thông minh nhất, vì chỉ có loại hình này, nếu gặp giai điệu hay chúng ta có thể nghe nhiều lần mà vẫn thích. Ngược lại với đọc thơ, nghe kể chuyện... chỉ một vài lần là ta đã thấy đủ lắm rồi.

Một phương thức nữa để đáp ứng khả năng thay đổi loại hình nhằm cuốn hút trẻ nhỏ là chúng ta có thể sử dụng tình huống. Cái khó là chọn những tình huống thân thuộc với trẻ, nhất là những tình huống trẻ thường ưa thích và có tình cảm. Chẳng hạn, chúc mừng sinh nhật của nhau. Các vị phụ huynh cứ tưởng tượng một hôm con mình xin đi dự sinh nhật của bạn, nhưng không được phép, ta sẽ thấy trẻ buồn tới mức nào. Ý chúng tôi muốn nói là tình huống sinh nhật là một tình huống không những quen thuộc mà còn có tình với trẻ nữa. Những tình huống như thế là mục tiêu khai thác của chúng ta.

Hai phần *Let's Talk* và *Let's Sing*, đúng về mặt mục đích, là một. Nó phối hợp với nhau để giới thiệu ngữ liệu. Như vậy hoạt động của học sinh vẫn mang tính thụ động. Hoạt động chính vẫn chỉ là nhắc lại điều tai nghe mắt thấy. Đồng thời số lượng ngữ liệu rất

hạn chế. Ví dụ như bài hát sáng tác dùng để dạy ngữ pháp, chúng ta thường gọi là "Hát ngữ pháp" (*Singing grammar*) không thể đưa nhiều mẫu câu vào một lúc. Để có thể phát triển khả năng giao tiếp, người thiết kế bài học sẽ phải đưa thêm ngữ liệu mới, trước hết là yêu cầu số lượng từ vựng phải đủ đáp ứng nhu cầu của các cuộc giao tiếp định sẵn.

Lần giới thiệu thêm ngữ liệu này không chỉ đơn thuần đưa ra ngữ liệu mới, như *Let's Talk* và *Let's Sing*, mà đưa học sinh vào giao tiếp thực ngay khi từ mới xuất hiện. Vì thế bản thân yêu cầu này phải được thực hiện thông qua sự thay đổi liên tục loại hình bài tập. Ví dụ việc sử dụng phiếu từ hoặc phiếu tranh (*flashcards*). Chúng ta có thể dùng phiếu (Phiếu Giáo viên: Teacher's Card; và Phiếu Học sinh: Student's Card) để thực hiện bài tập trên lớp như sau:

Lần thứ nhất

Giáo viên giơ flashcard (xe đạp, búp bê, ô tô,...) và phát âm từ đó.

Học sinh nhắc lại

Teacher: bicycle...car...doll... ball...cassette player...

Hoạt động này mang tính nhận diện ngôn ngữ.

Lần thứ hai

Giáo viên gắn flashcard lên bảng.

Giáo viên chỉ vào một flashcard và đọc to từ đó lên. Nếu từ giáo viên đọc đúng với tranh thì cả lớp nhắc lại. Nếu không cả lớp ngồi im lặng.

Hoạt động này vừa nhận diện, vừa sản sinh, nhưng vẫn còn ở mức độ bắt chước.

Lần thứ ba

Giáo viên đi quanh lớp với tập flashcard trong tay.

Giơ cho một học sinh rút một flashcard, rồi giơ lên, hỏi "What's this?".

Cả lớp đồng thanh trả lời "It's a (doll)".

Có thể cho học sinh rút flashcard hỏi "What's this?" và cả lớp (hoặc một học sinh khác) trả lời.

Hoạt động này đã thực sự đưa học sinh vào giao tiếp.

Như vậy là sau phần *Let's Talk* và *Let's Sing* học sinh được đưa vào quy trình học, gọi là *Let's Learn*, một cách tự nhiên. Quy trình *Let's Learn*, và sau đó là *Let's Learn Some More* có mục đích chủ yếu là mở rộng vốn từ vựng cần thiết cho các cuộc giao tiếp theo thiết kế. Đó là những cuộc giao tiếp trong tình huống quen thuộc của học sinh. Đến đây vai trò của học sinh đã mở rộng hơn là tự mình đã được tham gia vào giao tiếp, nhưng vẫn dừng ở chỗ hoạt động có khống chế.

Thế thì, chúng ta phải tiến dần đến những bước quan trọng hơn là học sinh được hoạt động tự do hơn thông qua vai trò tạo điều kiện của người thầy (facilitator). Vai trò này dựa trên các kỹ thuật của *James Asher* (Phương pháp *TPR: Total Physical Response*). Các kỹ thuật chủ yếu của TPR là dựa vào mệnh lệnh. Cơ sở lý luận của TPR là trong thế giới thực, mệnh lệnh không phải lúc nào cũng là những mệnh lệnh đơn lẻ, mà thường được đưa ra thành một chuỗi. Ví dụ khi ta hỏi một ai đó có biết làm việc gì không, nếu người đó trả lời là không, thì chúng ta sẽ đưa ra một chuỗi mệnh lệnh để hướng dẫn người đó làm việc ấy. Vậy là thực hiện kỹ thuật đưa chuỗi mệnh lệnh vào trong lớp học sẽ tạo điều kiện đáp ứng đặc thù của trẻ nhỏ là học thông qua việc làm, mà việc làm này lại là một hoạt động giống như đời sống thực. Phần này chúng ta tạm đặt tên là *Let's Move*.

Khi thực hiện bài tập trên lớp, điểm xuất phát có thể là những mệnh lệnh đơn lẻ. Ví dụ

Cảnh 1

Một học sinh cầm yo-yo đứng trong tư thế chuẩn bị chơi.

Cô giáo ra lệnh *Play with a yo-yo*.

Học sinh bắt đầu chơi.

Cảnh 2

Hai học sinh S1 & S2 đứng đối diện nhau.

S1 cầm quả bóng trong tư thế sẵn sàng ném.

Cô giáo ra lệnh *Throw the ball*.

S1 ném bóng.

Cảnh 3

Hai học sinh S1 & S2 đứng đối diện nhau.

S1 đã ném bóng đi rồi, nay đứng trong tư thế chờ bắt bóng.

Cô giáo ra lệnh *Catch the ball*.

(S2 ném bóng). S1 bắt quả bóng.

Đó là mệnh lệnh riêng lẻ. Nhà thiết kế chương trình học sẽ phải tiến tới bước thứ hai, bước gắn gũi với cuộc sống, tức là thiết kế một chuỗi mệnh lệnh trong một tình huống hợp lý, ví dụ dưới hình thức học sinh này dạy học sinh kia làm một việc gì đó. Hãy chọn một hoạt động có nhiều khâu thực hiện. Ví dụ, vẽ con mèo. (*Draw a cat.*)

Bài tập này được thực hiện trên lớp như sau

S1 đứng dạy hỏi học sinh S2 ở bàn đối diện.

A. Can you draw a cat?

S2. No, I can't

S1. Follow me, please.

(S1 dẫn S2 lên bảng. S1 vẽ hai vòng tròn, một vòng tròn to (thân con mèo), và một vòng tròn nhỏ ở trên (đầu con mèo). Sau đó lần lượt ra lệnh cho S2 vẽ từng bộ phận

S1. Now, draw two ears

S1. Now draw two eyes

S1. Now draw a nose

S1. Draw a mouth

vẽ hình con mèo

S1. Draw a tail.

S1. Draw four legs

S1. Well. This is a cat.

Hoạt động như trên thật đơn giản, và đòi thực nhiều khi cũng đơn giản như vậy thôi. Có mấy ai trong chúng ta lại không bao giờ dạy con cái mình vẽ một cái gì đấy.

Trong 34 trò chơi thiết kế cho chương trình dạy tiếng Anh cho trẻ, hệ *Let's Go*, chúng ta thấy có những trò chơi thích hợp dùng cho mục đích này. Ví dụ *Command Chain*

Trò chơi đó tiến hành như sau

COMMAND CHAIN

Học sinh đứng thành từng vòng tròn 8-10 người. Bắt đầu ra lệnh và làm theo lệnh.

T: *Bend your knees.*

Một học sinh đứng trong vòng nhắc lại mệnh lệnh, làm theo lệnh, rồi ra thêm một mệnh lệnh nữa.

S1: *Bend your knees. Hands on your head.*

Học sinh thứ hai nhắc lại và làm hai mệnh lệnh trên rồi ra thêm một mệnh lệnh của mình (là ba).

S2: *Bend on your knees. Hands on your head. Hands on your eyes.*

Học sinh thứ ba nhắc lại và làm ba mệnh lệnh trên rồi ra thêm một mệnh lệnh của mình (là bốn).

S3: *Bend on your knees. Hands on your head. Hands on your eyes.*

Touch your toes.

Trò chơi cứ tiếp tục như vậy bằng cách người sau nhắc lại và làm tất cả những mệnh lệnh của những người trước rồi cộng thêm một mệnh lệnh của mình. Thường chỉ chơi đến người thứ ba rồi quay lại từ đầu, nếu không số lượng mệnh lệnh nhiều quá, học sinh khó nhớ, hoặc lầm lẫn, tạo ra không khí lúng túng, mất vui.

Như vậy là chúng ta đã đi qua quan điểm thiết kế chương trình học, thể hiện qua những giờ hoạt động trên lớp của trẻ nhỏ. Nó có những đòi hỏi rất đặc thù, không có ở những lớp người lớn. Đồng thời nó cũng thể hiện được tiêu chí của một lớp dạy tiếng: thầy là người tạo điều kiện. Hoạt động của học sinh bắt đầu từ bước tiếp thu thụ động (*Let's Talk. Let's Sing*), đến chỗ giao tiếp có khống chế (*Let's Learn. Let's Learn Some More*), rồi đến chỗ giao tiếp tự do hơn, thực hơn (*Let's Move*)

Một khoá học kiểu đó xuất phát từ đâu? Trước hết nó xuất phát từ mục đích của trẻ học tiếng Anh, học giao tiếp thông thường. Hai là nó xuất phát từ yêu cầu của đặc thù người học là trẻ nhỏ. Và sau đó là phương pháp. Bất cứ một khoá học nào, thể hiện bằng một bộ sách, phải thực hiện được ý đồ về phương pháp của tác giả.

Đặc biệt là dạy trẻ nhỏ, phương pháp của thầy cô đóng vai trò quan trọng bậc nhất. Đây chính là điểm mà chúng ta sẽ cùng nhau bắt đầu tìm hiểu trong Phần Ba.



PART 3:
PHƯƠNG PHÁP MAT (THE MAT METHOD)
MODEL - ACTION - TALK

Nhìn nhận ở góc độ chuyên môn, khi bước vào một quy trình đào tạo ngoại ngữ, điều đầu tiên chúng ta cần phải nói đến là *mục đích học tập của trò và phương pháp giảng dạy của thầy*. Ví dụ một người lái xe học tiếng Anh mà thầy dạy như dạy một sinh viên đại học, tầm chương trích cú, đi sâu vào phân tích ngữ pháp thì chỉ làm người học thêm lúng túng, hiệu quả thấp.

Ở một góc độ khác, chúng ta cũng không thể khẳng định rằng *với một mục đích thì chỉ có một phương pháp*, vì phương pháp giảng dạy phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa, ví dụ yếu tố lứa tuổi. Với cùng một mục đích dạy giao tiếp bằng lời, nhưng lớp người lớn tuổi và lớp trẻ nhỏ đòi hỏi hai phương pháp rất khác nhau, chứ không hẳn chỉ là thủ pháp.

Trong Phần Ba này, chúng tôi muốn bàn đến phương pháp dạy trẻ học tiếng Anh. Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến việc dạy trên lớp (*classroom teaching*).

Khi nói đến quy trình dạy trên lớp, nhà giáo học pháp nổi tiếng Dianne Larsen-Freeman đã nói rằng trách nhiệm của người thầy không phải chỉ là giới thiệu ngữ liệu mà chủ yếu phải là tạo điều kiện cho các hoạt động trong nhóm nhỏ, hoặc luyện theo đôi. Trong những hoạt động đó học sinh có cơ hội tương tác. Đối với dạy trẻ nhỏ, tư tưởng phương pháp này lại càng thích hợp.

Đó cũng là tư tưởng chủ yếu của phương pháp MAT, tức là: Model (Làm mẫu), Action (Động tác cơ thể), Talk (nói), mà chúng ta cùng xem xét hôm nay. Phương pháp này do Ritsuko Nakata xây dựng nên. MAT nhấn mạnh vào việc sử dụng hành động và làm mẫu, luyện kỹ, giúp cho học sinh xây dựng được kỹ năng sử dụng tiếng một cách tối đa với một lượng thời gian tối thiểu, dù là ở trình độ bắt đầu.

M=Model, nói về hoạt động làm mẫu của người thầy trên lớp. Làm mẫu một cách rõ ràng và đầy đủ là một yếu tố quan trọng giúp học sinh hiểu được mình phải làm gì trong một số hoạt động trên lớp. Bài luyện càng phức tạp bao nhiêu, việc làm mẫu càng phải cẩn thận, chu đáo và rõ ràng bấy nhiêu, trước khi đưa học sinh vào luyện.

Sau đây là một ví dụ về làm mẫu khi dạy về màu sắc.

MODEL-1**A. Mục đích**

- Giới thiệu các màu: xanh lá cây, đỏ, vàng, đen, trắng, xanh da trời, nâu.
- Hướng dẫn học sinh cách luyện bài tập này

B. Yêu cầu

- Giáo viên dùng động tác (dùng con rối)
- Không giải thích bằng tiếng Việt

Bước 1

Giáo viên gắn các hình vuông (hoặc hình tròn màu lên bảng) theo hàng ngang.

Giáo viên lồng hai con rối màu khác nhau vào hai tay. Coi đây là hai nhân vật: Rối Đen (hỏi) và Rối Vàng (trả lời)

Chụp ảnh hai con rối

Rối Đen (chỉ vào màu đỏ. Giọng giáo viên nói): *What colour is this?*

Rối Vàng (gật gật. Giọng giáo viên nói): *It's red.*

Tiếp tục làm như vậy với tất cả các màu.

Bước 1

Giáo viên gọi một học sinh lên, đưa cho học sinh này Rối Vàng (trả lời)

Giáo viên với Rối Đen chỉ vào màu xanh da trời: *What colour is this?*

Học sinh với Rối Vàng gật gật: *It's blue.*

Có nhiều cách để làm mẫu giới thiệu ngữ liệu mới. Hoặc là giáo viên cùng con rối (puppets) làm mẫu, hoặc là giáo viên cùng học sinh làm mẫu. Làm như vậy là chúng ta đã thay đổi hình thức thể hiện, tạo sự hào hứng cho học sinh.

Trong việc làm mẫu các động tác của giáo viên phải rõ ràng, rút khoát và phân biệt, ví dụ con rối hỏi phải chỉ thẳng đúng vào một màu, không nên lơ đãng vừa quay đầu nhìn học sinh, vừa chỉ vào bảng, có khi ta chỉ vào khoảng giữa hai màu. Con rối trả lời phải tỏ ra hiểu, biết câu trả lời, thể hiện bằng động tác gật gật đầu.

Làm mẫu là hoạt động rất quan trọng vì làm mẫu tốt chúng ta đạt được những thành công sau đây:

- Tiết kiệm được thời gian, học sinh hiểu được ngay nội dung ngữ liệu qua động tác và lời nói của người thầy.
- Học sinh hiểu được khi luyện mình phải làm gì.
- Làm mẫu giúp người thầy dùng toàn tiếng Anh để giảng giải một cấu trúc, một hoạt động, và chỉ dẫn cách luyện tập cho học sinh, không cần viện đến tiếng mẹ đẻ.

Chúng ta cũng có thể làm mẫu theo một phương thức khác như sau:

MODEL-2*A. Mục đích*

- Giới thiệu dạng thức số ít và số nhiều
- Hướng dẫn học sinh cách luyện bài tập này

B. Yêu cầu

- Giáo viên dùng động tác (dùng con rối)
- Không giải thích bằng tiếng Việt

Giáo viên gắn *flashcards* lên bảng theo hai cột đối nhau số ít và số nhiều:

Chụp ảnh thu nhỏ những phiếu có hình ảnh sau đây
(Phiếu Học sinh)

1 bút chì - 2 bút chì
1 con búp bê- 3 con búp bê
1 cái tẩy- 4 cái tẩy
1 quả táo - 3 quả táo
1 cassette - 4 cassettes

Chú ý: có thể thay bằng những vật thể khác có trong
Phiếu học sinh. Mục đích: 1 tranh số ít, một tranh số
nhiều

Giáo viên dùng tay phải lấy flashcard 1 bút chì, giơ lên và nói to: *A pencil*. Bỏ xuống.
Giáo viên dùng tay trái lấy flashcard 2 bút chì, giơ lên nói to: *Pencils*. Bỏ xuống.

Cứ làm như vậy cho đến cặp cuối cùng.

Để làm mẫu một hoạt động luyện tiếng, người thầy nhiều khi phải di chuyển vị trí của học sinh, đưa học sinh vào vị trí cần thiết cho bài luyện, và hướng dẫn học sinh phải nói gì. Ví dụ, nếu bài tập đòi hỏi học sinh phải đứng lộn xộn để tạo ra một tình huống giao tiếp tự nhiên, người thầy phải đẩy một số học sinh đi quanh phòng, nhiều khi phải dùng vai hích nhẹ ra hiệu cho học sinh từ chỗ nọ chuyển sang chỗ kia. Làm như vậy học sinh có thể tiến hành được cả những bài tập phức tạp. Chẳng hạn khi học sinh luyện nói thông qua trò chơi *Walk and Talk*.

WALK AND TALK

Đặt quanh lớp mỗi chỗ hai phiếu: một Phiếu Học sinh và một Phiếu Giáo viên (không giống nhau).

Học sinh từng đôi đi quanh lớp học.

Khi nghe giáo viên hô to "*Stop!*", mỗi đôi phải dừng lại trước một đôi phiếu, tiến hành hỏi-trả lời, sử dụng phiếu như một yếu tố gợi ý.

Ví dụ

Chụp Phiếu con mèo

Chụp Phiếu con ếch

Giáo viên hô "Stop"

S1 và S2 đứng lại trước một đôi phiếu con mèo và con ếch.

S1 (chỉ vào phiếu đầu tiên): *What's this?*

S2: *It's a cat. What's this?*

S1: *It's a frog.*

Trong trò chơi này, người thầy phải hoà mình vào dòng học sinh đi đi lại lại trong lớp. Người thầy vừa phải điều khiển trò chơi bằng những mệnh lệnh "Stop.", vừa phải để mắt điều chỉnh học sinh, chỗ này đông quá, chỗ này thưa quá, đôi này chơi không đúng luật, đôi kia không chịu làm bài tập mà nói chuyện riêng, v.v.

Vậy thì vai trò làm mẫu không chỉ thuần túy là đưa ra mẫu ngôn ngữ, mà còn đưa học sinh vào quy trình tiếp thu và thực hiện mẫu của mình đưa ra.

Làm mẫu không phải lúc nào cũng là giáo viên hoặc học sinh. Đối với những chương trình học có xây dựng video thì những mẫu thể hiện trong video clip cũng thuộc quy trình làm mẫu. Lúc này người thầy dạy trên lớp phải tận dụng lợi thế của những mẫu này, đó là: tiếng nói của người bản ngữ, ngôn ngữ không thành lời của người bản ngữ (ví dụ nhún vai, giơ ngón tay cái lên, v.v.) Chúng ta cùng quan sát một mẫu thể hiện bằng video

Chụp sách Let's Go Student 1B: Unit 7.	Chụp sách Let's Go Student 1B: Unit 7.
Phần Let's Talk: I'm hungry	Phần Let's Sing: What do you want?

Vậy là Hai phần *Let's Talk* và *Let's Sing* chúng ta giới thiệu chính là một loại làm mẫu. Loại này khác với hoạt động làm mẫu do giáo viên thực hiện trên lớp ở chỗ:

1. Giọng nói bản ngữ.
2. Được thể hiện bằng những bạn cùng nhóm tuổi, tạo ra sự gần gũi giữa người làm mẫu và người tiếp thu mẫu.

3. Sự thể hiện rất tự nhiên của người bản ngữ, với những nét văn hoá riêng, gây ấn tượng cho người học.

Nói tóm lại Phương pháp MAT đã phát huy được ba lợi thế của hoạt động làm mẫu để truyền thông tin tới học sinh một cách thành công:

- Tiết kiệm thời gian giảng giải.
- Tránh làm học sinh lúng túng
- Không phải dùng tiếng mẹ đẻ.

Chuỗi hoạt động tiếp theo của phương pháp MAT là ***ACTION***

Ở đây giáo viên thực hiện vai trò tạo điều kiện của mình để đưa học sinh vào hoạt động. Đối với phương pháp MAT, hoạt động ở đây có nghĩa là ở giai đoạn mới bắt đầu học, học sinh sử dụng các động tác của các bộ phận cơ thể, và dùng cử chỉ để tiếp thu (*understand*). và ghi nhớ, lưu giữ (*retain*) các yếu tố ngôn ngữ. Sau này hình thức làm động tác đơn thuần sẽ được dần dần thay thế bằng những hoạt động phức tạp hơn dưới hình thức: hoạt động cơ học, hoạt động có khống chế và hoạt động tự do.

Dùng động tác cơ thể và cử chỉ giúp học sinh kích hoạt được bán cầu não phải, ghi nhớ được dễ dàng hơn và nhanh hơn, tạo khả năng gợi nhớ khi gặp tình huống tương tự cũng dễ dàng hơn, và nhất là lưu giữ ngữ liệu được lâu hơn. Đây chính là yêu cầu của quy trình học ngoại ngữ, đó là

- Ghi nhớ (*remember*)
- Gợi nhớ (*recall*)
- Duy trì (*retain*)

Cũng nhờ vậy, khi học sinh đã qua giai đoạn đầu, giai đoạn tiếp thu ngôn ngữ qua động tác, các hoạt động nghe-nói mang lại kết quả tích cực ở trên lớp. Chẳng hạn sau khi được giới thiệu danh từ số ít số nhiều, và câu hỏi số nhiều *What are these?* học sinh bắt đầu hoạt động giao tiếp như sau

1. Hình thức hoạt động thứ nhất là thuần túy Hỏi-Trả lời

a. *Pair work*: Dùng Phiếu Giáo viên số 39-44 (đồ dùng trên lớp, số nhiều). S1 hỏi. S2 trả lời.

S1: *What are these?*

S2: *They're (tables)*

2. Hình thức thứ hai là Nhận diện-Hỏi-Trả lời

b. *Group work*: Một nhóm học sinh khoảng 10 người. Dùng Phiếu Giáo viên và Phiếu học sinh 33-44 (đồ dùng trên lớp).

Giáo viên giơ cao một phiếu (ví dụ Phiếu Giáo viên số 39)

Học sinh tìm đúng đồ vật đó trong Phiếu Học sinh của mình rồi giơ cao lên. (Không nói)

T: *What are these?*

Cả nhóm đồng thanh: *They're crayons*

3. Hình thức thứ ba là Luyện hỏi-Trả lời theo tốc độ nói quy định.

Đến đây học sinh tiếp tục luyện hỏi-đáp nhưng hạn chế thời gian. Ví dụ luyện hết 16 phiếu trong vòng 2 phút.

Như vậy là cả ba hoạt động trên thực ra đều là đóng vai giao tiếp (*rolr-play*). Nhưng nó tiến từ chỗ giao tiếp có tính bài tập trên lớp đến chỗ giao tiếp theo tốc độ giao tiếp tự nhiên. Mục tiêu này chúng ta sẽ bàn tiếp trong bài sau.

Hoạt động đóng vai giao tiếp có thể tiến hành dưới một hình thức tự do hơn, mang không khí vui chơi của trẻ hơn. Đó là bài tập *Conversation lines*

CONVERSATION LINES

Học sinh đứng thành hai hàng song song và đối diện nhau.

Mỗi học sinh cầm một số đồ dùng trong lớp, ví dụ bút viết bảng, thước kẻ, tẩy, v.v.

S1 hỏi *How many (crayons)?*

S2 đếm bút vẽ đang cầm trong tay và trả lời, *(Three) (crayons)*.

Các hàng bước một bước theo chiều ngược nhau (như vậy là đổi người hỏi thoại).

Tiếp tục luyện như trên.

Khâu cuối cùng của phương pháp MAT là **TALK**

TALK là hoạt động phát huy khả năng nói. Nó đòi hỏi một hoạt động tổng hợp về sử dụng ngôn ngữ. Người nói phải huy động vốn từ vựng cần dùng đến, gọi nhớ quy tắc ngữ pháp có liên quan để gắn kết các đơn vị từ vựng ấy thành câu thể hiện ý nghĩa của mình, và vận dụng những quy tắc phát âm để thể hiện thành lời. Như vậy TALK kích hoạt bán cầu não bên trái của bộ óc. Chúng ta đã biết bán cầu não trái chứa các vùng ngôn ngữ quan trọng.

Điều thứ hai là TALK kích thích sự năng nổ của trẻ nhỏ ngay từ khi bắt đầu bài tập. Đối với trẻ em Việt Nam TALK còn giúp thầy cô giải tỏa được sự nhút nhát của một số học trò, đưa những học trò hay e thẹn vào cộng đồng, hợp tác với cộng đồng trong học tập.

Điều thứ ba là TALK giúp học sinh luyện phát âm, tiến gần tới chuẩn Anh, Mỹ trong giao tiếp. Điều này chúng ta phải bàn đến sâu hơn trong Phần 4.

Như vậy là TALK tạo cơ hội cho học sinh thay đổi thói quen phát âm. Quá trình này cũng là một quá trình gợi tính tò mò của học sinh, vì học sinh gặp toàn những hiện tượng mới, chưa gặp bao giờ, đồng thời TALK cũng là hoạt động gây hứng thú khi sự tò mò ấy được thoả mãn. Để làm mẫu TALK, chúng ta có thể sử dụng hình thức nói, và hát: *Let's Talk* và *Let's Sing*. Chúng ta đã đề cập đến hai hoạt động làm mẫu này ở trên.

Tiếp sau phần làm mẫu Talk là hoạt động TALK của học sinh trong lớp. TALK diễn ra dưới hình thức luyện theo đôi (*pair work*), hoặc theo nhóm (*group work*), hoặc luyện cả lớp (*class work*),

TALK có thể là một bài tập đóng vai giao tiếp cơ học, tức là nhắc lại nguyên si nội dung và thái độ của nhân vật trong băng. Ví dụ

Hai học sinh luyện đoạn hội thoại theo video clip

S1: *How's the weather?*

S2 (chỉ vào tranh) *It's sunny.*

S1 (chỉ vào quả bóng) *Let's play!*

S2 *OK*

Luyện TALK cơ học thường được dùng cho các bài luyện phát âm, đọc theo băng hoặc theo thầy cô, đặc biệt là những bài luyện về ngữ điệu và nhịp điệu.

Sau phần luyện cơ học là luyện TALK một cách tự do hơn, nhưng vẫn chịu sự khống chế về ngôn ngữ (*controlled practice*). Chẳng hạn như bài luyện sau đây, có tên

CHAIN DRILL

Dùng Phiếu Giáo viên 99-106. Giơ Phiếu Giáo viên, yêu cầu học sinh hỏi và trả lời.

T: (giơ cao Phiếu Giáo viên 102)

How many trees are there?

S1: *There are four trees.*

S1: (giơ cao Phiếu Giáo viên 105)

How many puddles are there?

S2: *There is one puddle.*

Bước cuối cùng của TALK là luyện tự do với sự tạo điều kiện của thầy hoặc thiết bị. Bài tập này có thể tiến hành như bài luyện đôi (*pairwork*) hoặc luyện nhóm (*group work*).

Luyện đôi: Các đôi tập ra lệnh cho nhau vẽ các đồ vật (cho phép nhìn tranh trong sách để vẽ) Ví dụ

S1: Draw a tree. There are two dolls in the tree.

Vẽ cái cây có hai con búp bê ở trên cây.

Vẽ theo kiểu trẻ con vẽ

Khi tiến hành một lớp học, chúng ta thường bắt đầu bằng bước giới thiệu ngữ liệu (Model). Sau đó là những phần luyện tập (Action, Talk). Phần luyện này, ngoài những kỹ thuật nói ở trên chúng ta có thể tổng hợp trong một trò chơi, như trò chơi sau đây

HIDDEN WORDS

Trò chơi này sử dụng phiếu từ hoặc phiếu tranh, và phiếu số. Phiếu số phải có cỡ đủ to để có thể phủ lên phiếu từ và phiếu tranh.

Gắn phiếu ranh lên bảng.

Che mỗi phiếu đó bằng một phiếu số.

Chia lớp thành nhiều đội.

S1 của Đội A gọi to một số.

Giáo viên lật phiếu số đó ra để lộ phiếu tranh và đếm 1...2...3.

Các đội giơ tay xin nói tên đồ vật/con vật trong tranh. Giáo viên chọn đội giơ tay nhanh nhất.

Đội nào nói đúng, đội đó được một điểm.

Nếu không ai nghĩ ra, che lại phiếu tranh đó.

S1 của Đội B gọi to một con số để tiếp tục chơi.

Phương pháp MAT có thể nói là phương pháp giúp học sinh học được nhanh hơn và có chất lượng hơn.

Tuy nhiên phương pháp này đòi hỏi cao về hoạt động nghe nói, và phải nghe nói theo chuẩn của trẻ bản ngữ, trong đó bốn yếu tố quan trọng nhất là

1. Tốc độ tự nhiên (natural speed).
2. Nhịp điệu tự nhiên (natural rhythm).
3. Ngữ điệu tự nhiên (natural intonation).
4. Phát âm tốt (good pronunciation).

Chúng ta sẽ bàn đến bốn yếu tố này, và sự thách thức của nó đối với người thầy trong Phần 4.



PART 4: NHỮNG THÁCH THỨC (THE CHALLENGES)

Khi nói đến phương pháp dạy tiếng là chúng ta nói đến những cách dẫn dắt người học đạt được mục đích giao tiếp bằng sự chuẩn xác của ngôn ngữ mục tiêu mà chúng ta sử dụng. Sự chuẩn xác đó phải dựa trên tiêu chí là người Anh nói thế nào. Trong quá trình dẫn dắt trẻ học tiếng Anh chúng ta phải thể hiện sự chuẩn xác ngôn ngữ qua các bước làm mẫu (Model), hướng dẫn học sinh hoạt động (Action) và nhất là bước huấn luyện học sinh nói (Talk). Điều thách thức đối với các thầy cô là chính mình phải sử dụng tiếng Anh một cách chuẩn xác, hay nói một cách khác là không được đặt mình vào thế tương phản với những mẫu do các trẻ người Anh thể hiện bằng video clip.

Để đảm bảo được điều này, một là chúng ta phải có năng lực nói với tốc độ tự nhiên (*natural speed*). Người Anh thường nói là "Khi chúng ta nói, chúng ta nói với tốc độ tự nhiên, nếu không chúng ta sẽ nói chẳng khác gì một rôbốt." Hai là chúng ta phải nói có nhịp điệu của lời nói (*natural rhythm*), tức là thể hiện được quy tắc trọng âm câu. Ba là chúng ta phải nói với ngữ điệu tự nhiên (*natural intonation*). Trong tiếng Anh, ngữ điệu thể hiện tình cảm của người nói. Và cuối cùng chúng ta phải phát âm tốt (*good pronunciation*). Có thể người Anh mới hiểu được chúng ta nói gì với họ. Đây cũng chính là tiêu chí con em chúng ta phải đạt được khi nói tiếng Anh. Vậy chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu bốn tiêu chí này và tìm ra phương hướng tự rèn luyện mình để đạt được những tiêu chí đó.

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét bản chất của bốn yếu tố vừa nêu ở trên. Trước hết là yếu tố phát âm tốt.

GOOD PRONUNCIATION

Khi nói đến *pronunciation* theo nghĩa hẹp là chúng ta nói đến phát âm từng âm và phát âm từ. Nhìn chung các âm tiếng Anh và tiếng Việt khác xa nhau. Ngay cả những âm chúng ta tưởng rằng giống nhau thì chúng vẫn rất khác nhau. Ví dụ âm / a : / trong tiếng Anh là âm dài, âm sau, còn âm / a / trong tiếng Việt là âm trước hơn tiếng Anh. Hoặc âm / d, t / trong tiếng Anh là âm lợi, trong khi đó /d, t/ của tiếng Việt là âm răng. Hoặc âm / g / trong tiếng Anh là âm nổ, nhưng trong tiếng Việt lại là âm sát. Chúng tôi không muốn đi sâu vào chuyên ngành ngữ âm, nhưng qua đó chỉ muốn nói một điều người Việt nói tiếng Anh rất khó đạt chuẩn Anh. Tuy nhiên có ba điều mà người thầy chúng ta cần quan tâm khi dạy trẻ

1. Phát âm của thầy sát gần với chuẩn. Không nên để phát âm của mình cách xa chuẩn Anh quá.

2. Phải phân biệt được những yếu tố đặc thù, ví dụ sự đối lập ngắn-dài giữa các nguyên âm tiếng Anh. Một số âm dài, ngắn tạo ra sự phân biệt về nghĩa. Chẳng hạn

ship (ngắn) = tàu thủy

sheep (dài) = con cừu

pull (ngắn) = kéo

pool (dài) = cái ao

3. Phát âm đúng những âm không có trong tiếng Việt. Trong tiếng Anh có nhiều âm không có trong tiếng Việt, kể cả tương đương cũng không có, nhưng lại rất thông dụng. Ví dụ như

âm / ð / trong từ *the, this*. *The* có lẽ là từ xuất hiện trong hầu hết các câu, hoặc

âm / θ / trong từ *thank you*, một câu cảm ơn có lẽ xuất hiện thường xuyên nhất trong lời nói của người Anh.

Điều dễ hiểu là con em của chúng ta học trên cơ sở bác chước, cho nên cách phát âm của chúng ta sẽ trở thành cách phát âm của trẻ. Rõ ràng chúng ta không thể để các trò nhỏ của mình nhận ra được sự khác nhau quá xa giữa người bản ngữ và thầy cô của mình, dù là cảm giác.

Như vậy là khi dạy đọc to để luyện phát âm, thầy cô giáo phải trở thành một mẫu chuẩn cho học sinh bắt chước. Có nhiều loại hình bài tập có thể giúp các thầy cô vượt qua được khó khăn để đạt tới trình độ này. Đó là những bài luyện âm. Tuy nhiên cái khó không phải thiếu bài tập, không phải chúng ta không có khả năng, mà thường là thiếu sự kiên trì. Cũng không phải nhiều người thường xuyên mỗi ngày bỏ ra 15 phút để đọc theo băng luyện âm liền trong vòng hàng năm trời. Chúng ta hãy quan sát một bài luyện âm

yellow
you yard
yell
yield
yes
use

(Trích *Master Spoken English*. Bảng số 1. Y-initial position. Trang 17.)

Đây là bài luyện bán nguyên âm /j/. Bài luyện tiến hành theo thủ pháp ba bước

- Bước 1: phát âm kéo dài
 Bước 2: phát âm kéo dài hơn bình thường
 Bước 3: phát âm bình thường

Thật là kỳ công! Đối với người Việt, chúng ta cần có những mô hình luyện âm đặc biệt, nhằm vào mục tiêu giúp người Việt vượt khó. Vì thế chúng ta cần xác định cái khó của người Việt trong phát âm âm tiếng Anh là gì. Ví dụ cách phát âm một số tổ hợp phụ âm đứng đầu từ.

/spr/... trong từ *spring, sprawl*
 /ɹ/... trong từ *through, thrift*

Chúng ta có cách giải quyết như sử dụng 12 mô hình luyện phát âm cho người Việt đã được giới thiệu trong cuốn "Mô hình phát âm tiếng Anh cho người Việt". Sau đây là một ví dụ

<i>Sound</i>	<i>Level 1</i>	<i>Level 2</i>	<i>Level 3</i>	<i>Level 4</i>
/spr/ spring	ssspuur□□	spuur□□	spur□□	spr□□
/ɹr/ through	□uuru:	□uru:	□ru:	

Chúng ta có thể tìm ra nhiều bài tập như thế này để giải quyết nhiều loại âm khác. Nói đến phát âm từ riêng lẻ, điều quan trọng hơn âm riêng lẻ là trọng âm từ. Người Việt bị mắc lỗi trọng âm từ rất nhiều, do đặc thù trong tiếng Việt không có trọng âm từ. Trong tiếng Việt, nếu chúng ta đọc sai dấu, từ đó sẽ chuyển nghĩa. Ví dụ: *ma* và *má*. Nhưng trong tiếng Anh nếu chúng ta đọc một từ với thanh điệu khác nhau, ví dụ từ *go* chúng ta đọc là /gâu, gấu, gâu/, ... thì người Anh vẫn cho là một, chỉ có điều họ thấy lạ tai mà thôi. Nhưng trong tiếng Anh nếu chúng ta đọc sai trọng âm, từ có thể chuyển nghĩa. Ví dụ

in'valid (không còn giá trị nữa)

'invalid (người tàn tật)

hoặc chuyển từ loại. Ví dụ

'respect (danh từ): sự tôn trọng

res'pect (động từ): tôn trọng

Chúng ta cần thay đổi thói quen phát âm từ và xây dựng phản xạ về trọng âm. Chúng ta lại phải nói rằng xây dựng được phản xạ về trọng âm từ là một kỳ công.

Những bài luyện phát âm trọng từ không khó như luyện âm riêng lẻ, tuy nhiên nó lại cần sự kiên trì:

(1) khi gặp từ mới nên tra tự điển để biết rõ trọng âm rơi vào đâu, không nên phỏng đoán, vì nếu sai nó tạo thành tật phát âm. Những tật phát âm của thầy cô đương nhiên sẽ truyền vào trẻ nhỏ, những nhân vật giỏi bắt chước.

(2) Luyện đọc hàng ngày, vì để rồi bỏ được thói quen đọc từ không có trọng âm, tạo ra một lối nói ngang ngang, đều đều, ví dụ *be careful.... successful... industrialise* không phải ngày một ngày hai có thể khắc phục được. Phương pháp khắc phục của chúng ta là

Bước 1: Đánh dấu tất cả những từ có từ hai âm tiết trở lên có trong tài liệu chúng ta đang giảng dạy cho trẻ. Hàng ngày đọc đi đọc lại (với sự nhấn mạnh quá lên một chút vào âm tiết có trọng âm). Ví dụ trong Unit 3. Let's Go có những từ như:

Hel'lo!... 'pencil... ca'ssettes /kU'sets/ ... 'crayons /'kreɪʊn/... 'table... 'marker ... 'notebook...'sneaker... 'picture ... 'ruler ... e'raser ...

Bước 2: Mỗi ngày mở một đoạn hội thoại ngắn, khoảng 4-6 câu. Tập đọc theo. Tập cho đến khi nào đọc giống như nhân vật trong băng mới thôi.

Trọng âm từ chưa phải là mục tiêu cuối cùng. Vai trò của trọng âm thách thức hơn nằm trong bình diện trọng âm câu (*sentence stress*). Trong tiếng Anh, khi nói một câu, người ta không bao giờ nhấn mạnh vào tất cả các từ, mà chỉ nhấn mạnh vào những từ quan trọng của câu mà thôi. Ngay cả những câu đơn giản như *How are you?* thì trọng âm cũng chỉ hoặc là rơi vào *How* hoặc rơi vào *you* tùy theo tình huống, chứ không bao giờ rơi vào cả ba.

Hi, Jenny. How are **'you**?
I'm **'fine**, thank you. How are **'you**?
I'm **'fine**, thank you.
How are **'you**?
I'm **'fine**, thank you.

Hi! **'How** are **'you**?

(Trích Let's Go Video-1. Unit-2. Let's Talk.)

Đối với những câu dài hơn cũng vậy, trọng âm chỉ rơi vào những từ quan trọng. Hiện tượng này gọi là trọng âm câu. Đó là bình diện sản sinh câu. Bình diện ngược lại là nhận diện câu, người nghe cũng chỉ nghe trọng âm câu mà suy ra nghĩa của toàn câu.

Ví dụ

The *'weather* in' *England* is *'changeable*.

'One 'day 'last 'week,

I *'went* for a *'walk* in the *'country*.

Quy tắc trọng âm câu này đã tạo ra yếu tố nhịp điệu của câu (*rhythm*). Đây là một yếu tố rất đặc thù của tiếng Anh nói. Nó làm cho cái tai người Anh rất nhạy bén, nhận ra ngay giọng ngoại quốc; cũng giống như người Việt chúng ta nhận ra ngay người ngoại quốc nói tiếng Việt qua sự phát hiện cách dùng dấu (thanh điệu) của họ. Người Việt không ai nói: *Cho toi hoi đươg ra buu dien*.

NATURAL RHYTHM

Do đặc thù ấy, ngay cả trẻ nhỏ người Anh khi bắt đầu đến trường cũng phải luyện tập. Những bài luyện này gọi là Vần thơ mẫu giáo (*nursery rhymes*).

Chụp một bài trong cuốn Nursery Rhymes. Bất cứ bài nào. Chọn bài ngắn, có hình ảnh

Như vậy trong tiếng Anh sử dụng bình thường hàng ngày chúng ta không thể nói thiếu trọng âm, nhịp điệu, vì như thế nó tạo ra một thứ tiếng nói ngang ngang, rất khó hiểu. Nói tiếng Anh có nhịp điệu là một thách thức người thầy phải đương đầu trước, tức là phải tìm ra phương hướng rèn luyện cho chính mình. Có thể mới rèn được học sinh của mình.

Trong giới dạy tiếng Anh, người ta quan tâm nhiều đến điều này, và có nhiều các loại hình luyện. Một lần nữa người thầy lại đòi hỏi ở mình lòng kiên trì và một lối đi đúng hướng. Chúng tôi xin gợi ý hai phương hướng luyện tập.

Một là, trong bộ Let's Chant, Let's Sing của Carolyn Graham có hai loại: Chant, tức là những bài đọc theo nhịp điệu, và Sing, bài hát. Chúng ta hãy tập đọc theo băng video/CD tất cả những bài *chants*.

Chụp bìa cuốn Let's Chant, Let's Sing.

Ví dụ ***This Is Blue. This Is a Blue Book***

This is blue.

This is a book.

This is a blue book.

This is red.

This is a pen.

This is a red pen.

This is a book.

This is a pen.

This is blue.

This is red.

This is a blue book.

This is a red pen.

Những bài *chants* như thế này thực tế là bài luyện đọc những câu nói bình thường hàng ngày, nhưng nói đúng trọng âm câu và nhịp điệu. Hoặc có những bài chỉ bao gồm những mệnh lệnh của các thầy cô trên lớp. Ví dụ bài *Listen Carefully*, trong đó có những mệnh lệnh như *Please Stand up. Please Sit down. Open your Book. Close your book*, v.v. Đây là những câu chúng ta sử dụng hàng ngày trên lớp, và sử dụng nhiều lần. Nếu chúng ta không giữ nhịp được thì chúng ta đã không đạt tiêu chí nhịp điệu tự nhiên, và rõ ràng cái không đúng của chúng ta sẽ thấm dần vào con trẻ. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng tất cả các bài *chants* trong sáu cuốn *Let's Chant, Let's Sing* của Nhà xuất bản Oxford đều là những câu nói hàng ngày chúng ta phải dạy cho trẻ chứ không phải là các bài thơ.

Như vậy hình thức luyện thứ nhất cho chính chúng ta là luyện những câu nói mình phải sử dụng trên lớp hàng ngày, những mẫu câu mình phải làm mẫu cho học sinh (phương pháp MAT), những mệnh lệnh mình phải ra cho học sinh (phương pháp TPR). Sáu cuốn *Let's Chant, Let's Sing* bao gồm 170 bài luyện đọc theo nhịp sẽ giúp chúng ta thay đổi sắc diện tiếng Anh trên lớp của mình.

Sau bước luyện này, chúng ta nên tiến cao lên một bước, sử dụng những bài tập ngữ âm có tính chất chuyên sâu hơn.

Sau đây là một bài tập nhịp điệu của từng câu riêng lẻ.

29. Lên hình bìa cuốn sách *Master Spoken English*.

<i>THAT</i>	<i>We know that we had it.</i>
<i>AS</i>	<i>It's as real as it gets.</i>
<i>THAN</i>	<i>More than enough.</i>
<i>THERE</i>	<i>There ought to be, but there isn't.</i>
<i>AM</i>	<i>How am I doing?</i>
<i>ARE</i>	<i>Christmas and New years are busy.</i>

(Trích Master Spoken English. Tape 6. Phân đọc những câu riêng lẻ. Linking Practice. Weak forms, trang 105)

Chúng ta có thể có những bài tập nói rất tự nhiên dùng cho những trình độ cao. Ví dụ như bài sau đây

*My name's Harry and this is my wife Betty.
And that our daughter Sara,
and those are our two sons, Tim and Tom.*

(Trích Master Spoken English. Tape 6. Linking Practice. Trang 103)

Những đòi hỏi như vậy, nếu làm được, nó đưa chúng ta đến gần chuẩn bản ngữ. Trong giáo học pháp dạy tiếng người ta không đòi hỏi người không bản ngữ phải nói được như người bản ngữ, thậm chí người ta còn chấp nhận sự phát âm na ná, miễn sao truyền đi được đúng thông điệp của mình làm cho người giao tiếp với mình hiểu được. Nhưng đó là giao tiếp ngoài đời. Chúng ta là người huấn luyện trẻ nhỏ những âm thanh đầu tiên của tiếng Anh, chúng ta không thể để lại cho con trẻ một ấn tượng khác với chuẩn bản ngữ. Chúng tôi muốn nói đến sự thách thức là ở bình diện đó.

Một yêu cầu nữa của tiếng Anh nói là ngữ điệu

NATURAL INTONATION

Có lẽ yếu tố khó khăn nhất của người Việt chúng ta khi nói tiếng Anh là việc dùng ngữ điệu, cũng chẳng khác gì người Anh khi nói tiếng Việt rất khổ sở với thanh điệu của chúng ta. Thanh điệu tiếng Việt gắn với từ, còn ngữ điệu tiếng Anh gắn với câu. Khác với người Việt, người Anh dùng ngữ điệu để thể hiện ý nghĩa của câu nói, đặc biệt là thể hiện tình cảm (*emotion*)

Ngữ điệu tiếng Anh là sự thể hiện sự thay đổi độ cao của giọng và nhịp điệu của câu. Sự thay đổi độ cao của giọng tức là hiện tượng nhảy từ một độ giọng thấp lên độ cao hơn, gọi là (*jump up*), hoặc đang từ độ cao hơn chuyển xuống độ giọng thấp hơn, gọi là (*step down*)

"Intonation deals with pitch change and rhythm variations The pitch change we are concerned with is a jump up in pitch to a higher note on the important words... and step down on the words following. Jump up and step down and drop at the end of the sentence.

Now, it's the same pattern, basically, over and over, that Americans are used to hearing. So when you speak it, you become more understandable, more expressive, more interesting, and , of course, more American sounding."

(Trích Master spoken English. Tape 7. Intonation, trang 120)

Theo MAK Halliday, tiếng Anh có năm ngữ điệu cơ bản như sau:

Một là xuống giọng, dùng cho câu tường thuật

falling tune: Yes

Hai là lên cao, dùng thể hiện sự ngạc nhiên

high rising: Yes

Ba là lên thấp, dùng cho câu hỏi

low rising: Yes

Bốn là lên xuống dùng để khẳng định

rising-falling: Yes

Năm là xuống lên dùng để thể hiện sự nghi ngờ

falling-rising: Yes

Trong giao tiếp hàng ngày người Anh ít ra cũng dùng cả năm loại ngữ điệu này. Đối với người nước ngoài học tiếng Anh, nhất là ở giai đoạn ban đầu, các khoá học thường chỉ đặt yêu cầu ở mức độ sử dụng được giọng xuống (falling) và giọng lên (low rising). Tuy nhiên chúng ta chỉ cần xem các nhân vật trẻ nhỏ trong băng nói chuyện với nhau, dù là làm mẫu, chúng ta cũng thấy hết được sự phức tạp của ngữ điệu.

Nói tiếng Anh có ngữ điệu là mục đích cuối cùng của quy trình luyện tiếng, đứng về mặt ngữ âm mà nói. Người thầy có nhiều con đường tiến tới ngữ điệu tiếng Anh. Nhưng trước hết để phục vụ cho việc làm mẫu, ra lệnh, điều khiển học sinh hoạt động bằng tiếng Anh và sửa lỗi cho trẻ nhỏ, chúng ta cần tiếp cận trước hết với bài học: bài học trên *video clip* (Let's Go 1 & 2), và những băng video luyện phát âm và luyện nói. Phương thức của chúng ta là xem/nghe băng, phát hiện và phân tích ngữ điệu của trẻ người Anh dùng trong băng. Trong video sau đây, Andy đang đi tìm quyển sách của mình. Chúng ta hãy cùng quan sát ngữ điệu của mẹ Andy, của Andy khi chưa tìm thấy sách và khi đã tìm thấy sách rồi.

Chụp lại Let's Go 2. Unit 4. Let's Talk

Câu *I can't find my book*. Andy nói với giọng xuống. Câu hỏi của mẹ *Is it in your bedroom?* hỏi với ngữ điệu lên thấp. Câu của Andy *Oh, here it is. It's under my bed.* dùng với ngữ điệu xuống để khẳng định, nhưng ở độ giọng cao thể hiện sự vui mừng. Với cách nhận diện đơn giản như thế này, người thầy sẽ chủ động hơn trong việc dẫn dắt trẻ nhỏ học cách nói của các bạn người Anh.

Còn đối với riêng mình, nhằm nâng cao khả năng nói tiếng Anh có ngữ điệu, chúng ta lại tiến hành một số bài tập có tính chuyên nghiệp. Trước khi vào những bài tập kiểu này, chúng ta cần ghi nhớ một quy tắc của ngữ điệu tiếng Anh là quy tắc đảm bảo khuôn giọng xuống dần (*descending scale*) trong một câu nói trọng âm đầu tiên ở vị trí cao nhất, các trọng âm khác ở vị trí thấp dần.

Chúng ta sẽ quan sát một câu có ngữ điệu khác nhau do có cách đặt trọng âm câu khác nhau. Càng dùng nhiều trọng âm câu chúng ta càng thể hiện nhiều ý tưởng.

I like to **walk** to the office when the weather is good.

I like to **walk** to the office when the **weather** is good.

I like to **walk** to the **office** when the **weather** is good.

(Trích Master Spoken English. Tape 7. Intonation Practice Scenes)

Chúng ta lại quan sát một loại ngữ điệu tương phản (*contrast emphasis*) dùng để nêu vấn đề chọn lựa.

Do you want **steak** or **chicken** tonight?

(Trích Master Spoken English. Tape 7. Sentence Group V. Trang 124)

Tất cả các yếu tố chúng ta vừa đề cập đến ở trên cùng những nét ngôn điệu như: luyện âm (*sound linking*), đồng hoá âm (*assimilation*), dạng phát âm mạnh, yếu của từ (*strong form, weak form*) tất cả tạo nên một tốc độ nói rất nhanh của người Anh. Đó chính là tốc độ tự nhiên

NATURAL SPEED

Nếu không đạt được tốc độ này thì chúng ta sẽ nói tiếng Anh như một rô bốt. Nhiều khi tốc độ nói của người Anh làm người ngoại quốc ngỡ ngàng không hiểu, như trường hợp của anh chàng Paolo người Italy sau đây.

Paolo's Room

Maid *Dry cleaners for room eight-one-four.*

Paolo *I'm sorry. I didn't understand what you said.*

Maid *I'm here to pick up your clothes for cleaning. Do you need to have some clothes cleaned?*

Paolo *Oh, yes. One minute please. Here are my pants. Here is my jacket, and my shirt.*

Maid *Cleaned and pressed?*

Paolo *Huh?*

Maid *Cleaned and pressed?*

Paolo *Oh yes, please. When will they be ready?*

Maid *How about Thursday?*

Paolo *Fine.*

Maid *Here's your receipt.*

Paolo *Thank you.*

(Trích Master Spoken English. Tape 8. Scene 6)

Chúng ta là người Việt nói tiếng Anh, chúng ta không thể đòi hỏi sự hoàn thiện. Nhưng ngược lại, là một mẫu của học trò nhỏ của chúng ta, những trò bé nhỏ bắt chước giỏi và học qua bắt chước là chính, chúng ta cũng không thể không hoàn thiện ở mức có thể được trong khả năng của mình.

Nói tiếng Anh chuẩn bao gồm nhiều yếu tố, nhiều bình diện: cách dùng từ, mẫu câu, lối nói Anh, văn hoá giao tiếp, v.v. Nhưng rèn luyện để dạy trẻ nhỏ học tiếng Anh từ đầu, chúng ta không đòi hỏi nhiều ở kiến thức ngôn ngữ mà chủ yếu là xây dựng cho mình một khả năng tốt về phát âm (theo nghĩa rộng: trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu). Với sự kiên trì, chúng ta hy vọng sẽ vượt qua được thách thức.

Trong Phần 5 của chương trình, chúng tôi xin tiếp tục trở lại với vấn đề phương pháp trên lớp: phương pháp TPR.



**PART 5: PHƯƠNG PHÁP TPR (THE TPR METHOD)
TOTAL PHYSICAL RESPONSE**

Hôm nay chúng ta cùng xem xét phương pháp TPR (*Total Physical Response*) ứng dụng cho việc dạy trẻ học tiếng Anh. Phương pháp này còn gọi là phương pháp nghe hiểu (*the comprehension approach*) vì nó bắt đầu quy trình học tiếng bằng nghe hiểu. Tư tưởng của phương pháp này xuất phát từ những nghiên cứu về quá trình cảm thụ tiếng mẹ đẻ của trẻ (*language acquisition*). Điều này thật gần gũi với chúng ta. Là cha mẹ, nhất là người mẹ, ai chẳng có những thời kỳ theo dõi từng bước đi của sự phát triển ngôn ngữ của con mình, từ lúc trẻ bật được ra hai tiếng "ba, mẹ" cho đến khi nói sõi. Ai trong chúng ta chẳng có những phút tự hào con mình nói được một câu "rất thông minh", một câu "như người lớn".

Tiến sĩ James Asher đã nghiên cứu quy trình một đứa trẻ cảm thụ ngôn ngữ như thế nào để tìm ra con đường dạy ngoại ngữ cho trẻ. Trong bài nói chuyện của ông tại trường Đại học Cambridge, England, ông có nói rằng điều bí mật của quá trình tiếp thu ngôn ngữ nằm trong các cuộc hội thoại rất độc đáo giữa bố mẹ và đứa trẻ. Ví dụ, cuộc hội thoại đầu tiên là ông bố nói, "Nhìn bố này! Nhìn bố này!" Đứa trẻ quay đầu về phía có tiếng nói, và ông bố reo lên, "Con đang nhìn bố này! Con đang nhìn bố này!" Tiến sĩ Asher gọi đây là "cuộc hội thoại bằng động tác cơ thể" (*language-body conversation*) vì người bố phát ra âm thanh nhưng đứa trẻ trả lời bằng một động tác của cơ thể (*physical response*). Các động tác cơ thể đó có thể là nhìn, mỉm cười, cười to, quay đầu lại, bước chập chững, vớ tay, nắm (lấy một cái gì đó), vịn (vào ai đó), ngồi xuống, chạy, v.v.

Chúng ta đã biết những cuộc hội thoại như thế này tiếp tục diễn ra trong nhiều năm tháng cho đến khi đứa trẻ có thể phát ra những tiếng đầu tiên như "ba, mẹ". Trong thời kỳ này tuy đứa trẻ chưa nói được nhưng nó đã nhập vào đầu nó một bản đồ ngôn ngữ (*language map*) chỉ rõ ngôn ngữ hoạt động như thế nào. Hay nói cách khác, trong quá trình này trẻ đã thấm dần các loại mẫu và âm thanh của ngôn ngữ. Khi đứa trẻ đã có khả năng giải mã ngôn ngữ thì cũng bắt đầu xuất hiện tiếng nói. Mới đầu lời nói chưa hoàn thiện, nhưng dần dần phát ngôn của trẻ ngày càng giống người lớn.



Những kỹ thuật của phương pháp TPR thể hiện trên lớp như sau:

- Cô giáo dặn dò học sinh bằng tiếng Việt: "Các con bắt đầu học tiếng Anh nào. Đừng nói gì nhé. ***Nhìn cô, nghe cô nói và làm theo cô. Cô ra lệnh bằng tiếng Anh. Các con làm theo lệnh đó theo cô. Cô cần bốn con xung phong nào.***"
- Trẻ giơ tay. Cô chọn 4 trẻ lên trước lớp, ngồi xuống 4 ghế kê đối mặt với cả lớp.
- Cô giáo ra lệnh. "***Stand up.***" Cô đứng dậy và vẫy tay cho cả 4 học trò đứng dậy. Cả 4 đứng dậy.
- Cô giáo ra lệnh "***Sit down.***" Cô ngồi xuống và cả 4 học trò ngồi xuống.
- Cô giáo hô "***Stand up***" Bốn trẻ đứng dậy.
- Cô giáo hô một lệnh mới "***Turn round***", rồi làm mẫu. Học sinh bắt chước cô xoay mình một vòng, quay lưng về phía lớp. Cô giáo hô lần thứ hai. Học sinh quay lưng lại như cũ.

Cứ như vậy cô giáo ra lệnh: *Stand up. Jump. Sit down. Stand up. Turn round. Jump. Stop. Turn round. Walk. Stop. Turn round. Walk. Jump. Turn round. Sit down.*

- Cô giáo ngồi yên tại chỗ ra lệnh. Bốn học sinh tự làm theo lệnh, không có cô giáo.
- Cô giáo ra lệnh cho cả lớp. Cô không làm mẫu: *Stand up. Sit down. Stand up. Turn round. Turn round. Sit down.*

Cô giáo thấy cả lớp đã hiểu được mệnh lệnh một cách thấu đáo. Cô dạy thêm một số lệnh mới.

- Cô giáo: *Point to the door.* Cô giáo chỉ về phía cửa ra vào. 4 học sinh chỉ theo. Cô giáo tiếp tục ra lệnh và làm mẫu, 4 học sinh làm theo cô.
- Cô giáo: *Touch your nose.*
- Cô giáo: *Touch your ears.*

Như vậy chúng ta thấy cô giáo đã thực hiện bài giảng theo từng kỹ thuật của TPR. Tuy cùng là mệnh lệnh, nhưng mỗi kỹ thuật yêu cầu một hoạt động khác nhau, và tác động vào học sinh từ một góc độ khác nhau.

- *Một là cô giáo hướng dẫn bằng tiếng Việt yêu cầu của bài luyện, tránh cho học sinh bị lúng túng không biết phải làm gì khi bắt đầu vào bài luyện.*
- *Hai là cô giáo ra lệnh và làm mẫu. Học sinh làm theo. Kỹ thuật này tạo điều kiện cho học sinh thấm thấu ngôn ngữ thông qua động tác cơ thể.*
- *Ba là, cô giáo ra lệnh, không làm mẫu, tự học sinh làm theo lệnh. Kỹ thuật này bắt đầu đưa học sinh vào tình huống thực trong cuộc sống: hiểu yêu cầu của người khác qua lời nói, và thực hiện, không cần nhìn mẫu hành động.*
- *Bốn là, cô giáo ra những lệnh khác nhau, không theo một trật tự nhất định. Chúng ta thấy một hiện tượng ở trẻ nhỏ là trẻ có thể đọc thuộc lòng một câu chuyện, nhưng đang đọc nếu quên một câu nào hay một chi tiết nào ở giữa thì rất khó đọc tiếp được đoạn sau. Như vậy kỹ thuật luyện nhớ lệnh không theo trật tự giúp chúng ta rèn học sinh ghi nhớ nhưng tránh được hiện tượng ghi nhớ cơ học như trên.*
- *Năm là, khi học sinh mắc lỗi giáo viên hô lại mệnh lệnh, và làm mẫu lại. Học sinh tự hiểu và sửa chữa.*

- *Sáu là, cô giáo ra một số lệnh làm học sinh vui thích, ví dụ Jump, hoặc Touch your nose. Touch your ears. Như vậy là cô giáo đã thực hiện khẩu hiệu: vui mà học (Learning is fun.)*

Bây giờ chúng ta cùng vào quan sát một lớp học tiếng Anh, sử dụng giáo trình Let's Go, thực hiện những kỹ thuật chúng ta đã bàn đến.

Cô giáo: Để ôn lại các màu, các con cùng hát bài "The Black Cat Song" nhé.

Chụp bài hát Trang 10. Let' Chant, Let's Sing 1.

MODEL

T: (Nói và làm mẫu vài lần)

1. *Raise your hand.*
2. *Put your hand down.*
3. *Take out your book.*
4. *Put your book away.*
5. *Pick up your pencil.*
6. *Put your pencil down.*
7. *Write your name.*
8. *Look at your board*

Cô giáo nói lại từng lệnh trên. Học sinh làm theo lệnh và đồng thanh nhắc lại mệnh lệnh đó.

PRACTICE

Chia lớp thành hai nhóm.

Mỗi lần giáo viên ra hai lệnh cho từng nhóm.

Ra lệnh khác nhau cho các nhóm khác nhau.

Các nhóm vừa thực hiện mệnh lệnh vừa nhắc lại mệnh lệnh.

T: (ra lệnh cho Nhóm A) *Raise your hand. Put your hand down.*

(ra lệnh cho Nhóm B) *Take out your book. Put your book away.*

Cô giáo ra lại những mệnh lệnh trên, nhưng với tốc độ nhanh hơn.

Một nhóm ra lệnh, nhóm kia thực hiện.

Cô giáo: Bây giờ chúng ta luyện theo đôi. Trong từng đôi, một em ra lệnh, em kia làm theo lệnh. Dùng Phiếu Học sinh số 25-32

Chụp lại một phiếu trong số
những phiếu trên

S1 rút một phiếu, nhìn để biết nội dung rồi ra lệnh cho S2.

S2 thực hiện lệnh.

S2 rút một phiếu và ra lệnh cho S1

READING A CHANT

Cho học sinh mở sách và luyện đọc bài sau đây

Pick Up Your Pencil

Pick up your pencil.

Pick it up. Pick it up.

Pick up your pencil carefully.

Pick up your pencil and write your name

Very carefully.

Pick up your pencil and write your name.

Write your name, write your name.

Pick up your pencil and write your name

Very carefully.

(Let's Chant. Let's Sing-1. Trang 13)

Qua bài luyện trên lớp vừa rồi chúng ta thấy trong phương pháp TPR có ba kỹ thuật chủ đạo. Một là, dùng mệnh lệnh để chỉ đạo hành vi của học trò trên lớp (*using commands to direct behaviour*). Hành vi ở đây có hai mặt, một là ngôn ngữ thích hợp, và hai là thái độ thích hợp. Ví dụ khi hỏi thăm bạn "*What's the matter?*" thì thái độ nghiêm túc, không cười cợt. Và khi bạn trả lời, ví dụ "*I'm sick.*" thì phải nói một câu an ủi thích hợp, ví dụ "*That's too bad. Get better soon!*", và thái độ phải thích hợp: nghiêm túc và cảm thông.

<p>Hi, John! What's the matter? I'm sick. That's too bad. Get better soon! Thanks</p>

Một điều cần thiết khi sử dụng kỹ thuật này là giáo viên phải chuẩn bị trước một loạt mệnh lệnh một cách hợp lý và có ý đồ. Nếu lên lớp mới "xuất khẩu thành chương" thì có thể có những mệnh lệnh học sinh hiểu được nhưng khó làm, hoặc khi làm cảm thấy như mình bị phạt ví dụ *Kneel down!* (Quỳ xuống), hoặc *Turn your face to the board!* (Úp mặt vào bảng!). Hơn nữa, theo Dr Asher mệnh lệnh trên lớp phải tiến hành với tốc độ cao (*high speed*) thì làm đến đâu nghĩ đến đấy khó có thể đáp ứng được yêu cầu này.

Kỹ thuật thứ hai là thay đổi vai giao tiếp (*Role Reversal*). Như chúng tôi đã trình bày, TPR xây dựng năng lực nghe hiểu trước khi nói. Vì thế Asher nhấn mạnh rằng sau khoảng từ 10 đến 20 giờ luyện nghe, học sinh có thể bắt đầu nói được. Đến lúc này chúng ta cần linh hoạt cho học sinh đổi vai: lúc thì nghe người khác ra lệnh cho mình làm theo, lúc thì mình ra lệnh cho người khác. Sự đổi vai như thế này tạo ra một sự nhuần nhuyễn trong giao tiếp với tư cách là người nghe-nói (*listener-speaker*)

Kỹ thuật thứ ba là sử dụng chuỗi hành động (*Action Sequence*). Trong quá trình ra lệnh, người thầy phải chuẩn bị cả những chuỗi mệnh lệnh có liên quan đến nhau. Ví dụ

Point to the door.

Walk to the door.

Touch the door.

Điều này đã làm cho học sinh tiếp cận với lối giao tiếp thực trong đời sống hàng ngày. Những kỹ thuật này cũng có thể thể hiện qua một trò chơi ngôn ngữ.

SCRAMBLE (Đổi chỗ)

Học sinh ngồi theo vòng tròn. Nếu lớp đông có thể ngồi theo nhiều vòng.

Một bạn không có ghế ngồi, đứng giữa vòng tròn.

Cho mỗi học sinh biết một từ khác nhau.

Giáo viên đọc to hai từ bất kỳ, rồi hô to: *Scramble!*

Hai học sinh có hai từ đó phải đứng dậy đổi chỗ cho nhau.

Như vậy lúc này có ba học sinh đứng nhưng chỉ có hai ghế.

Ba học sinh này phải chạy đua thật nhanh để chiếm được chỗ ngồi.

Một học sinh chậm chân sẽ bị mất chỗ ngồi, ra đứng giữa vòng tròn.

Loại hình này kích lệ khả năng nhớ từ và tăng cường năng lực nghe hiểu. Trò chơi phát huy tính năng động của học sinh.

Sử dụng TPR để dạy cho trẻ nhỏ chúng ta thấy có ba nét đặc biệt.

Nó giúp học sinh

- hiểu ngôn ngữ đang học với tốc độ cao (*high-speed understanding*)
- ghi nhớ được lâu (*long-term retention*)
- không bị căng thẳng (*zero stress*)

Ngoài ra nó còn có một hiệu quả bất ngờ nữa là buổi học sẽ rất vui cho cả thầy lẫn trò.

Enjoyable for teachers as well as students!

Để củng cố khả năng ghi nhớ lâu dài, chúng ta có thể tiến hành trên lớp một số bài tập dùng tự điển. Tuy nhiên chúng ta cần một loại tự điển đặc biệt, có thể dùng để làm bài tập chứ không thuần túy để tra từ như tự điển thông dụng.

Ví dụ trong Unit 3 (1A). Let's Learn. Let's Go-1, chúng ta dạy câu hỏi *What's this?* và câu trả lời là những dụng cụ học tập như bút chì, hộp bút, băng cát-xét, v.v. Chúng ta dùng tự điển để củng cố và mở rộng những từ thuộc loại này.



Chụp lại tự điển tranh OUP trang 51

Cô giáo: chỉ vào từng thứ và gọi tên, không theo trật tự. Từ nào mới, cô chỉ và nói ba lần. Sau đây là những từ mở rộng (theo số trong tự điển)

1. glue
3. scissors
7. bookbag
10. calculator
14. pencil sharpener
20. paper clip

Cô giáo làm mẫu với một học sinh. (Số ít)

T: (chỉ vào một cái túi hỏi) *"What's this?"*

S1: (chỉ vào cái túi đó, trả lời) *"It's a bookbag."*

Chia học sinh thành từ nhóm, S nọ hỏi S kia, dùng tranh trang 50, chỉ vào những loại đồ dùng có số ít. (Ghi hình cận một vài nhóm)

Cô giáo làm mẫu với một học sinh. (Số nhiều)

T: (chỉ vào hộp markers trên bàn) *What are these?*

S1: (chỉ lại vào hộp bút đó nói) *"They're markers."*

Chia học sinh thành từ nhóm, S nọ hỏi S kia, dùng tranh trang 50, chỉ vào những loại đồ dùng có số nhiều. (Ghi hình cận một vài nhóm)

Gọi ba học sinh lên bảng, hỏi và trả lời số ít.

Gọi ba học sinh khác lên bảng, hỏi và trả lời số nhiều

Chụp lại tự điển tranh OUP trang 50

Kết thúc là cô giáo chỉ vào một tranh, hoặc số ít, hoặc số nhiều, hỏi. Cả lớp đồng thanh trả lời.

Mỗi loại, số ít và số nhiều, 5 từ.

Trong Phần 5 này, chúng ta đã có cơ hội tiếp cận với phương pháp TPR dùng để dạy trẻ tiếng Anh. Chúng ta cũng đã biết không một phương pháp nào là hoàn hảo, ngay cả về khái niệm. Ví dụ TPR cho rằng chỉ cho học sinh nói khi học sinh đã sẵn sàng, tức là sau khoảng từ 10 đến 20 giờ học nghe thuần túy. Chúng ta cũng có thể có suy nghĩ khác. Tuy nhiên, TPR có nhiều kỹ thuật, nhiều quan niệm gắn gũi với quy trình dạy trẻ. Nó gắn gũi tới mức nhiều người cho rằng nó chỉ thích hợp với dạy trẻ mà thôi (*TPR will only work for children.*) Trong khi đó tác giả Asher không hoàn toàn đồng ý với quan niệm này.

Chúng ta sẽ tiếp tục xem xét MAT và TPR trong bài sau, đặc biệt là sự kết hợp của hai phương pháp này trong dạy trẻ học tiếng Anh.

PART 6: MAT & TPR

Trong lịch sử dạy ngoại ngữ chúng ta thấy có nhiều phương pháp xuất hiện. Thông thường phương pháp ra đời sau giải quyết những nhược điểm của những phương pháp trước nó. Phương pháp dạy trẻ học tiếng nằm trong sự phát triển của ngành giáo học pháp nói chung. Trong khuôn khổ của chương trình này, chúng ta nói đến hai phương pháp dạy trẻ tỏ ra có hiệu quả, đó là TPR và MAT. Tuy nhiên nếu chúng ta thể hiện sự cực đoan ở chỗ chỉ áp dụng một phương pháp trên lớp thì hiệu quả sẽ bị hạn chế.

Trong phần sáu hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau xem xét mối quan hệ giữa MAT và TPR, và sự phối hợp hai phương pháp khi dạy tiếng Anh cho trẻ.

Trong bài "Phương pháp MAT dạy học sinh tập nói trong khuôn khổ tiếng Anh như một ngoại ngữ ở Nhật" (*The MAT Method Getting Students to Talk in an EFL situation in Japan*) Bà Ritsuko Nakata, tác giả của phương pháp MAT nói rằng mình đã từng thực hiện phương pháp TPR của Tiến sĩ James Asher. Bà nhận xét rằng, đúng như Asher đã tuyên bố, những học sinh không chịu làm động tác trong lớp là những học sinh học chậm (*slow learner*) những học sinh làm một ít động tác thì học tốt hơn, đồng thời Nakata có một kinh nghiệm và sau trở thành quan điểm giáo học pháp của bà là: những học sinh sử dụng toàn bộ các bộ phận cơ thể để thực hiện mọi động tác theo yêu cầu thì không gặp khó khăn gì về khả năng hiểu ngôn ngữ và nói. Điều nhấn mạnh ở đây là cả nghe hiểu và cả nói.

Đây chính là mấu chốt chúng ta sẽ bàn đến để thấy được sự phối hợp rất ăn ý của TPR và MAT.

Nghiên cứu sâu hơn về hai phương pháp thì ta thấy sự khác biệt cơ bản giữa TPR của Asher và MAT của Nakata nằm ở chỗ:

Asher không cho học sinh nói (kể cả trả lời câu hỏi) trước khi hoàn thành từ 10 đến 20 giờ học tập trên lớp. Còn Nakata cho học sinh luyện nói song song với luyện nghe hiểu, sử dụng bán cầu não trái để kích thích nói đồng thời với hành động. Và qua thực nghiệm, Nakata kết luận rằng sau 10 tháng học sinh có thể hiểu được và nói được vài trăm từ và câu.

Đến đây chúng ta hãy quan sát một loại hình bài tập mà Ritsuko Nakata đưa ra, loại hình kết hợp nói nghe ngay từ đầu, thực hiện AT (Action+Talk) ngay sau khi có M (Model). Loại hình bài tập này được thực hiện ngay trong Bài 1 của Trình độ 1.

Chuẩn bị: Cô giáo và học sinh đều đeo "name card" trước ngực.

Cô giáo làm mẫu: Cô giáo bắt tay một học sinh (S1) ngồi bàn đầu, nói *Hello*. Sau đó chỉ vào ngực mình nói: *I am* (tên cô giáo)

T: *Hello. I am* (tên cô giáo)

Bắt tay S2, nói như trên.

Sau đó nhìn vào *name cards* của học sinh thứ ba, nói

T: *Hello, (Lan)*

Tiếp tục sang học sinh khác, bắt tay và nói: *Hello, (Thanh). Hi, (Thu).....*

Như vậy ở bước đầu này, phương pháp MAT cũng như TPR chỉ luyện nghe, học sinh nghe hiểu, không được nói. Dùng động tác để trả lời, ví dụ: mỉm cười với cô giáo, hoặc gật gật đầu. Chúng ta quan sát tiếp tục.

Cô giáo dùng puppet của mình làm mẫu cuộc hội thoại sau đây

Giơ Rối Đen gật đầu chào Rối Vàng

Rối Đen: *Hello, I am (Lan)*

Rối Vàng: *Hi, I am (Thanh)*

Hai câu đều do cô giáo nói. Nếu có thể được, cô giáo nói hai giọng. Làm như trên ba lần.

Gọi một học sinh đứng lên. Đưa cho học sinh Rối Vàng, và làm như trên

Rối Đen (cô giáo): *Hello, I am (Lan)*

Rối Vàng (S1): *Hi, I am (Thanh)*

Làm như vậy với năm học sinh.

Chia lớp thành hai nhóm. Gọi một học sinh thuộc nhóm A đứng lên (S1). Đưa Rối Đen cho học sinh này. Gọi một học sinh thuộc nhóm B đứng lên (S2). Đưa Rối Vàng cho học sinh này.

S1: *Hello, I am (Lan).* Cả nhóm A nhắc lại.

S2: *Hi, I am (Thanh).* Cả nhóm B nhắc lại.

Làm như vậy ba lần, mỗi lần một tên khác nhau.

Chia lớp thành từng đôi. Các đôi tập hỏi và trả lời. Cô giáo đi quanh lớp hỗ trợ khi cần thiết.

Rõ ràng sang bước thứ hai này MAT đã thể hiện quan điểm sau Action (động tác) là đến Talk (nói) ngay từ bài học đầu tiên, khác với TPR. Tốc độ chuyển dịch từ nghe sang nói rất nhanh. Nhưng quan điểm của Nakata cũng không cực đoan ở chỗ: không

bắt buộc những học sinh hay xấu hổ, nhút nhát nói ở giai đoạn này, nhưng đối với học sinh mạnh dạn, năng động thì sao lại kiềm chế. Thế là chúng ta thấy có điểm trung gian: không đặt mục tiêu nói cho những học sinh chậm, và nhút nhát. Làm như vậy MAT vẫn công nhận như TPR là quy trình học tiếng vẫn bắt đầu bằng nghe hiểu, sau đó mới đến nói. Nhưng thời gian chuyển dịch từ nghe sang nói không nhất thiết phải kéo dài một cách nhân tạo, như TPR.

Theo kinh nghiệm của chúng tôi, điều này có khả năng khích lệ học sinh rất lớn. Khi yêu cầu nói, những học sinh mạnh dạn, nhất là con trai, đôi khi không nói mà tranh nhau hét to lên, làm cho không khí lớp sôi động, lôi kéo cả học sinh nhút nhát cũng nói theo, nhưng nói nhỏ, lẩm bẩm.

Một kinh nghiệm nữa là nếu theo TPR để sau nhiều tháng mới cho học sinh nói, thì đến lúc nói được, trong đầu học sinh chứa nhiều ngữ liệu chưa bao giờ được thực hành. Nó dẫn đến hiện tượng học sinh mắc nhiều lỗi trong khi nói và hay nói nhất gừng. Một hiện tượng chúng ta thường gọi là "trăm hay không bằng tay quen". Vậy nếu cho học sinh nói ngay từ đầu, nói ít một, thì ngữ liệu tiếp thu đến đâu, được thực hành đến đó, tức là vừa học vừa hành.

Một điểm mà hai phương pháp gặp nhau là chọn những động từ có tần số xuất hiện cao để dạy ngay từ đầu và dạy thông qua mệnh lệnh. Học động từ thông qua mệnh lệnh là thích hợp nhất vì nó rất rõ ràng, rất ấn tượng, dễ ghi nhớ.

Theo kinh nghiệm của chúng tôi ở Việt Nam, việc này không những chỉ làm trên lớp, trong giờ học tiếng Anh mà còn có thể kết hợp ở một mức nào đó trong sinh hoạt hàng ngày của học sinh, ví dụ giờ tập thể dục. Trong số các buổi tập thể dục của một tuần chúng ta có thể quy định một buổi hô khẩu lệnh bằng tiếng Anh.

Học động từ qua các động tác làm cho mỗi động từ đều có một nghĩa rất cụ thể. Sau khi đã giới thiệu nghĩa cơ bản của động từ, chúng ta sẽ phát triển thành những kết hợp từ. Ví dụ

Chụp ảnh Let's Go 1B. Unit 7.
Let's Learn. trang 58.
Cậu bé đang sát bánh (cuối
trang)ăn kem

- Đầu tiên là động tác ăn nói chung: *Eat*
- Sau đó mở rộng thành một kết hợp từ: *Eat an ice cream.*
- Tăng thêm kết hợp từ: *Eat a cake.*

Nếu chúng ta cứ thực hiện như thế này hàng tuần, cuốn chiếu các động từ đã học, tăng thêm số lượng kết hợp từ, và giới thiệu thêm động từ mới, chúng ta thấy học sinh tiến bộ một cách tuyệt vời. Chỉ sau một thời gian ngắn chúng ta đã có thể mở rộng cấu trúc câu, ví dụ giới thiệu thêm một động từ trợ có tần số xuất hiện rất cao, đó là: *can*. Chúng ta cuốn chiếu các động từ đã học để dùng cùng với động từ *can*. Ví dụ

I can ride a bicycle.

I can throw a ball.

rồi tiến tới cuốn chiếu câu hỏi với *What* để có

What can I do?

What can you do?

Cả hai phương pháp TPR lẫn MAT đều có chung một điểm xuất phát là học từ qua mệnh lệnh. Tuy nhiên khi quy trình học tiến lên cao dần, chúng ta phải đặt ra câu hỏi: Sau mệnh lệnh là gì?

What after commands?

Chúng ta đã thấy mầm mống phát triển ngay khi mở rộng cấu trúc. Đó là tiến tới hỏi-trả lời

ASK = QUESTION & ANSWER (Q&A)

Hỏi là một bộ phận rất quan trọng trong giao tiếp hàng ngày. Nếu có thời gian chúng ta thử đếm xem trong một ngày giao tiếp chúng ta hỏi bao nhiêu câu hỏi. Chắc con số thống kê sẽ làm chúng ta kinh ngạc.

Điều cần nói ở đây về mặt phương pháp là TPR trì hoãn giai đoạn này, còn MAT đẩy lên rất sớm. Tuy nhiên đối với cả hai phương pháp, khi dùng Q&A chúng ta giảm dần mệnh lệnh, tập trung hơn vào sử dụng các loại cấu trúc câu khác.

Xuất phát từ một thực tế là trong giao tiếp hàng ngày không phải lúc nào cũng là Q&A, mà nhiều khi chúng ta phải tự nói ra một điều gì đó. Đây chính là

TELL

Trong thực tiễn cuộc sống, ngày nào bố mẹ đón con ở trường về mà chẳng được nghe con mình kể những câu chuyện rất ngây thơ và đáng yêu. Tâm lý ấy của trẻ nhỏ bộc lộ ngay sau khi nó có được một vốn ngôn ngữ nào đó. Quy trình dạy ngoại ngữ cũng phải đáp ứng được yêu cầu đó. Chúng ta thường gọi quy trình này là *độc thoại* (*monologue*). TPR cũng thực hiện những bài tập rèn luyện khả năng kể lể, nhưng ở giai đoạn sau này và dưới một hình thức hấp dẫn là kể truyện, mà Asher gọi là "Kể chuyện theo phương pháp TPR" (*TPR Story Telling*)

Cũng tiến tới mục đích ấy, MAT dẫn dắt học sinh dần dần theo con đường nắm bắt ba thành tố cơ bản của một cuộc hội thoại, đó là: *hỏi, trả lời, và kể* (*ask, answer, tell*). Ba thành tố này sẽ dẫn đến giai đoạn cuối cùng là *nói chuyện*

TALK

Bốn thành tố trên là cơ sở để hình thành một hệ thống bài luyện, hoàn thành mục đích xây dựng năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh cho các trò nhỏ.

Bây giờ chúng ta có thể tham khảo một số bài luyện theo hệ thống bốn yếu tố chúng tôi vừa giới thiệu: Ask, Answer, Tell, và Talk.

Trước hết chúng ta bắt đầu bằng thành tố ASK & ANSWER

Happy birthday, Jenny!

How old are you?

I'm seven years old.

Bước 1: Học sinh mở sách nghe băng, vừa nghe vừa chỉ vào đồ vật tương ứng.

1. *What is it? It's a yo-yo*
2. *What is it? It's a kite.*
3. *What is it? It's a car.*
4. *What is it? It's a ball.*
5. *What is it? It's a doll.*
6. *What is it? It's a puzzle.*
7. *What is it? It's a robot.*
8. *What is it? It's a jump rope.*
9. *What is it? It's a hat.*
10. *What is it? It's a bicycle.*

(Băng ghi âm Let's Go-1

Unit 5.)

Bước 2: học sinh luyện theo đôi. S1: hỏi, S2 trả lời.

Sau đó đổi vai.

Sau hoạt động này đến TELL.

Hành động Tell có thể bắt đầu bằng một câu nói mà tác nhân của nó chỉ là tình huống.

Ví dụ khi Kate về đến nhà, không thấy ai, bé gọi to

Hi, Mom. I'm home

Hello, Kate.

Rồi sau này chúng ta gặp những bài tập *Tell* trong loại hình luyện đôi. Ví dụ một học sinh nói: "*Trông kia, có một con chó. Mình thích chó lắm*". Một học sinh khác nói: "*Mình cũng thích chó*".

Bước 1: Hai học sinh ngồi ở bàn, sách mở trước mặt.

Mở băng ghi âm. Hai học sinh vừa nghe vừa nhìn vào sách.

There's a dog. I like dogs.

I like dogs, too.

There's a cat. I like cats.

I like cats, too.

There's a frog. I like frogs.

I like frogs, too.

Bước 2: Hai học sinh ngồi ở bàn. Trước mặt là một chiếc bàn khác. Trên chiếc bàn này có một con chó đồ chơi, một con mèo đồ chơi, và một con thỏ đồ chơi.

S1 (chỉ vào con chó) *There's a dog. I like dogs.*

S2 (nhìn S1): *I like dogs, too.*

(chỉ vào con mèo): *There's a cat. I like cats.*

S1 (nhìn S2): *I like cats, too.*

(chỉ vào con ếch): *There's a frog. I like frogs.*

S2 (nhìn S1): *I like frogs, too.*

18. NQH lên hình

Thực ra, nếu chúng ta tách từng nhân vật, thì đây là Tell. Nhưng nếu ghép hai nhân vật lại với nhau như thế này thì nó đã chuyển sang Talk. Đó cũng chính là mục đích cuối cùng của hệ thống luyện của MAT: ASK-ANSWER-TELL-TALK

Với TPR, từ khi nghe hiểu đến khi ASK có thể cách nhau tới 10 cho đến 20 giờ học. Nhưng MAT lại cho phép ASK ngay từ bài đầu. Tuy nhiên đối với cả hai phương pháp, để tiến đến chỗ TALK thì đều phải mất một khoảng thời gian ít nhất là cả năm học, vì nếu chúng ta nhìn vào bộ giáo trình *Let's Go*, thì phải tới *Unit 8 (1B)*, tức là bài cuối của *Level 1* thì mới xuất hiện những bài tập TALK như trên. Đây cũng chính là sự thống nhất giữa hai phương pháp.

Điều này thể hiện rất rõ trong chương trình. Mãi đến Unit 4 của Level 2 chúng ta mới thấy bài tập bắt đầu thoát khỏi hình thức Hỏi-Trả lời, chuyển sang tình huống, tức là Talk thực sự

Chụp Tranh trên cùng, tay trái.
Let's Go-2 (2A). Unit 4. Sách
Student.

Theo quan điểm của TPR là sau từ 10 đến 20 giờ thẩm thấu ngôn ngữ thông qua giao tiếp bằng các động tác của cơ thể, học sinh bắt đầu nói được tiếng Anh. Tuy thế nhưng Asher vẫn nhấn mạnh: hoạt động nói không phải là ép buộc mà nó xuất hiện một cách tự nhiên như là xuất hiện một hoạt động vui chơi. Ở điểm này quan điểm của Nakata mặc dù khác ở chỗ cho nói sớm hơn nhưng cũng vẫn phải là một hoạt động không ép buộc. Không ép buộc tới mức trong cùng một lớp, nếu học sinh nào quá nhút nhát không dám nói, người thầy phải chấp nhận sự im lặng ấy, tìm cách khích lệ sau.

Một điểm nữa, cũng là một quan điểm mới của giáo học pháp dạy tiếng hiện đại là vấn đề học sinh mắc lỗi. Asher cho rằng trẻ nhỏ khi học tiếng mẹ đẻ mắc rất nhiều lỗi trong khi nói, nhưng chúng ta thường bỏ qua một cách vui vẻ, thì đối với học sinh học ngoại ngữ chúng ta lại càng phải rộng lượng hơn. Nakata cũng thể hiện rất rõ quan điểm của mình, thống nhất với giáo học pháp hiện đại là qua quá trình sử dụng ngôn ngữ, học sinh sẽ thông qua nhiều con đường, sửa chữa lỗi và xây dựng ngôn ngữ của mình theo chuẩn bản ngữ.

Bây giờ chúng ta lại quan sát một trò chơi áp dụng cả hai phương pháp TPR và MAT để xây dựng năng lực giao tiếp cho học sinh.

FIND YOUR PARTNER (TÌM BẠN LUYỆN)

Sử dụng hai bộ phiếu từ giống nhau, với số lượng phiếu bằng số lượng học sinh.

Mỗi học sinh nhận một phiếu. Người nọ không được giơ cho người kia xem phiếu của mình.

Học sinh đi quanh lớp tìm kiếm người có phiếu từ giống mình.

Phương thức tìm là đặt câu hỏi có liên quan đến phiếu từ mình đang cầm trong tay. Chẳng hạn một học sinh trong tay đang cầm chiếc phiếu có in từ "*tape*" có thể hỏi người khác "*Do you want some tape?*". Khi người kia trả lời "*Yes, I do.*" có nghĩa là người ấy có phiếu giống như vậy.

Cứ đi quanh hỏi như vậy cho đến khi tìm được bạn thì thôi.

Hoạt động này tạo cho học sinh cơ hội sử dụng ngôn ngữ trong văn cảnh. Đến đây chúng ta đã bắt đầu dẫn dắt học sinh trên con đường xây dựng khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Học sinh đã bắt đầu nghe hiểu và nói được. Hơn thế nữa trẻ đã bắt đầu có khả năng sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trong lớp học. Nhưng để có thể tiến đến những cuộc giao tiếp gần gũi với đời thường, chúng ta còn phải tiếp tục rèn luyện học sinh đúng hướng, tăng cường năng lực sử dụng ngôn ngữ ở các trình độ cao hơn. Trong phần sau chúng tôi xin trình bày xu hướng xây dựng năng lực này theo phương pháp giao tiếp (CA: Communicative Approach)



PART 7:**PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP (THE COMMUNICATIVE APPROACH: CA)
& PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP (THE DIRECT METHOD)**

Trong Phần 6 chúng ta đã bàn đến sự phối hợp giữa hai phương pháp TPR và MAT để hướng các học trò nhỏ của chúng ta tới năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh.

Trong Phần 7 này chúng ta cùng xem xét vai trò của phương pháp Giao tiếp (CA: Communicative Approach) và phương pháp Trực tiếp (DM the Direct Method) trong dạy trẻ học tiếng.

Rõ ràng con đường dạy trẻ của chúng ta không sử dụng biện pháp (*explicit*) tức là cung cấp quy tắc ngữ pháp trước rồi ứng dụng sau. Con đường phù hợp với học trò nhỏ là (*implicit*) tức là đưa yếu tố ngôn ngữ vào sử dụng để học sinh tự hiểu lúc nào dùng được và dùng như thế nào. Hoạt động này Asher gọi là *internalise*.

Nói đến giao tiếp là nói đến phương thức thể hiện ý đồ của mình, tức là sử dụng kiến thức về các dạng thứ ngôn ngữ mục tiêu, ngữ nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ và chức năng giao tiếp để giao tiếp.

Đối với trẻ nhỏ, cũng là những yêu cầu đó, nhưng ở mức thấp hơn nhiều so với người lớn. Ví dụ trẻ nhỏ thường không phải đối đầu với chức năng "tranh luận" (*arguing*) mà chỉ dùng ở mức đồng ý hay không đồng ý (*expressing agreement and disagreement*).

Phương pháp giao tiếp cũng mang mục tiêu là xây dựng cho người học một năng lực sử dụng ngôn ngữ thích hợp để đáp ứng với yêu cầu của chức năng giao tiếp. Thực ra đối với trẻ mới học tiếng yêu cầu giao tiếp ở mức độ trên câu *suprasentential* (*discourse*) level chưa phải là mục tiêu trước mắt.

Với đối tượng trẻ từ 8 đến 12 tuổi thì chức năng giao tiếp là gì: Chúng ta hãy tham khảo bản đồ chức năng giao tiếp mà nhóm tác giả Reetz, Farnoaga, Nakata, Frazier, và Hoskins đưa ra.

Greetings & Introducing yourself

Một là Chào hỏi và tự giới thiệu mình

Asking about one's health and Expressing one's concern

Hai là Quan tâm đến sức khỏe, và thể hiện sự cảm thông

Asking & Expressing one's address

Ba là Hỏi thăm địa chỉ.

Expressing ability & inability

Bốn là nó về khả năng có thể hoặc không thể làm được việc gì.

Expressing likes and dislikes

Năm là Thích và không thích

Expressing possession

Sáu là Diễn đạt sự sở hữu

Asking the time and describing daily routine

Bảy là Giờ giấc và công việc hàng ngày

Describing what one's doing

Tám là diễn đạt mình đang làm gì.

So với yêu cầu giao tiếp của người lớn, những chức năng này đơn giản hơn nhiều. Nhưng dấu sao kỹ thuật giảng dạy và luyện tập trên lớp cũng phải thể hiện được hướng đi của phương pháp.

CA chủ chương phải giới thiệu ngôn ngữ chính thống của người bản ngữ. Hay nói một cách khác là học sinh cần được tiếp cận càng nhiều với bản ngữ càng tốt. Chuẩn bản ngữ thường thể hiện ở hai bình diện: phát âm và sự diễn đạt. Trong hai bình diện này, đối với người lớn người ta quan tâm nhiều hơn đến sự diễn đạt ý tưởng. Nhưng đối với trẻ nhỏ thì ngược lại, mối quan tâm chính lại là phát âm. Điều đó lô-gíc ở chỗ yêu cầu về chủ đề và nội dung giao tiếp của trẻ nhỏ tương đối đơn giản.

Trong chương trình Let's Go chúng ta thấy có hai phương tiện truyền đạt bản ngữ, đó là băng video, và băng ghi âm. Nếu người thầy biết tận dụng chương trình ghi sẵn trên hai phương tiện này, cùng với khả năng phát âm tốt của mình thì sự tiếp cận bản ngữ của học sinh không phải là điều chúng ta phải băn khoăn nhiều.

Đối với vai trò của giáo viên trên lớp, người ta thường coi giáo viên chỉ là "người tạo điều kiện" (*facilitator*). Hay nói một cách khác, trách nhiệm chính của người thầy là tạo dựng tình huống cho học sinh giao tiếp. Trong hoạt động trên lớp người thầy, sau khi làm mẫu, chỉ hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập, hoặc can thiệp sâu hơn nữa chỉ là "người đồng giao tiếp" (*co-communicator*)

Chúng ta hãy chứng kiến vai trò của người thầy trong bài tập sau đây.

Facilitator (Vai trò tạo điều kiện)

Ba học sinh ngồi luyện.

Cô giáo giơ một quyển sách.

S1: What's this?

S2: It's a book.

S3: No, it's a notebook.

Cô giáo chỉ vào con thỏ đồ chơi.

S1: What's that?

S2: I don't know

S3: It's a rabbit.

Co-comunicator (Vai trò đồng giao tiếp)

S1 (chỉ vào con ếch đồ chơi): *What's this?*

S2. I don't know.

S3. It's a fish.

Teacher: No, it's a frog.

Cô giáo dùng cử chỉ để ra hiệu một số hành động.

Học sinh phán đoán bằng lời. Nếu sai, cô giáo cho đáp án

Cô giáo tựa má vào hai bàn tay nhắm mắt lại.

S1. You sleep.

S2. No, you're tired.

S3. Yes, you're tired.

Cô giáo giơ ngón tay vẽ vào không khí.

S1: You write

S2: I don't know

S3: You point to the door

Teacher: No. I draw a cat.

Như vậy là người thầy kiến tạo tình huống, và học sinh là trung tâm luyện tập. Một trong những quan niệm cơ bản của phương pháp giao tiếp là làm sao tạo được cho học trò một động cơ giao tiếp. Đối với người lớn, lúc nào cũng là bài tập, là giao tiếp giả thì cũng không gây hứng thú được cho người học. Ngược lại, ngay trong đời thường, trẻ nhỏ thường chấp nhận sự "giả vờ" để chơi, ví dụ giả vờ mua bán, chơi đồ hàng. Tuy nhiên những trò chơi giả vờ này phải xuất phát từ ý thích của trẻ, tức là bản thân trò chơi kích thích được động cơ chơi, cũng tức là kích thích được ý đồ giao tiếp của trẻ. Để đáp ứng được yêu cầu này, người thiết kế chương trình thường lựa chọn những trò chơi trẻ ưa thích, cả loại trò chơi truyền thống cũng như hiện đại. Mặt khác bài luyện phải tạo cho học sinh một cảm giác là bài tập này rất có ích cho mình. Ví dụ, ngày nay

có mấy gia đình chúng ta là không có điện thoại, vậy trò chơi gọi điện thoại tạo một ấn tượng cho học sinh là mình được dạy cách gọi điện thoại để về nhà áp dụng.

Ví dụ

Back-to-Back Telephones

(Tựa lưng vào nhau gọi điện thoại)

Năm đôi học sinh ngồi tựa lưng vào nhau làm bài tập.

Dùng điện thoại đồ chơi hoặc điện thoại cũ (hỏng). Mỗi học sinh được phát một điện thoại.

Các đôi ngồi tựa lưng vào nhau giả vờ như đang gọi điện thoại cho nhau. Ngồi quay mặt đi như thế này, học sinh phải lắng nghe người kia nói gì, và khi mình nói phải nói rõ ràng.

Mỗi đoạn hội thoại tập hai lần, tạo điều kiện cho mỗi học sinh được đóng cả hai vai. Giáo viên đi quanh lớp hỗ trợ học sinh khi cần.

Trong quy trình đào tạo ngoại ngữ hiện nay, người ta quan tâm nhiều đến những nét văn hoá của ngôn ngữ mục tiêu. Dạy những nét văn hoá ấy không phải là dạy học sinh bắt chước, lai căng, mà là trong giao tiếp học sinh cần biết một số động tác cử chỉ mang bản sắc văn hoá của người nói chuyện với mình. Chẳng hạn

Chụp hình trang 56.
Let's Go-2 (2B). Unit 7:
Let's Talk.
Chụp tranh trên cùng,
bên trái

Nhìn chung ở trẻ nhỏ người Anh và trẻ nhỏ của ta, nhất là ở thành phố, không có sự khác biệt nhiều về văn hoá. Ví dụ trong video clip vừa rồi chúng ta thấy chỉ có hai động tác: một là khi bố nhắc Kate đến giờ đi ngủ, thì bé vừa nhún vai vừa trả lời. Nhún vai nói, nhất là khi nói không biết "*I don't know*", hoặc không thích "*No*"; cũng như động tác ôm mẹ coi như lời chào trước khi đi ngủ, là những cử chỉ rất thông thường

của các bé người Anh, nhưng bé của ta ít làm như vậy, theo truyền thống. Thực ra điều này cũng không ảnh hưởng gì đến quá trình giao tiếp. Cho nên yếu tố văn hoá đối với người lớn nhiều khi ảnh hưởng, và có khi cản trở sự thành công trong giao tiếp, nhưng đối với trẻ nhỏ không phải là điều chúng ta cần quan tâm nhiều.

Trong quan niệm đào tạo, phương pháp CA quan tâm nhiều đến chức năng hơn là hình thức. Chức năng ở đây được hiểu là việc thực hiện trao đổi ý đồ giao tiếp, còn hình thức được hiểu là khả năng đúng ngữ pháp. CA cho rằng nếu người học mắc lỗi ngữ pháp, hoặc lỗi ngữ âm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung thông điệp, và người giao tiếp với mình vẫn hiểu được đúng ý nghĩa thì cuộc giao tiếp đó vẫn coi là thành công. Đối với trẻ nhỏ, trong giai đoạn đầu, đơn vị giao tiếp thường là từ, và sau đó là những câu rất đơn giản, như *What's your name?* hoặc *These are crayons.*, v.v. thì dạng thức ngữ pháp chưa đóng vai trò quyết định nội dung giao tiếp. Chẳng hạn trò nhỏ của chúng ta mắc lỗi như: đáng ra phải hỏi *What's this?* thì lại hỏi: *What this?* hoặc thậm chí chỉ nhớ *What?* rồi chỉ vào đồ vật định hỏi, hoặc những lỗi lẫn lộn số ít với số nhiều, thì nội dung giao tiếp cũng không ảnh hưởng gì. Thực ra ngay cả trẻ người Anh cũng mắc những lỗi như thế này. Điều này cũng liên quan đến thái độ đối với lỗi của học sinh mà chúng ta đã bàn đến trong phương pháp TPR của Asher và MAT của Nakata. Đó là thái độ khoan dung *tolerate*. Như vậy chúng ta thấy rõ ràng quan điểm nhấn mạnh vào chức năng hơn là hình thức cũng là một mục tiêu của việc dạy tiếng cho trẻ.

Một vấn đề nữa là vai trò của tiếng mẹ đẻ. Nó cũng thường được nhắc đến trong nhiều phương pháp. Phương pháp Trực tiếp (*The Direct Method*) có một nguyên tắc cơ bản là không được dịch ra tiếng mẹ đẻ dù bất cứ hình thức nào. Tuy nhiên nó đi đến chỗ cực đoan là đuổi hẳn tiếng mẹ đẻ ra khỏi lớp học. Cái mạnh của phương pháp này là xây dựng được cho học sinh một năng lực nói trôi chảy (*fluency*) và khả năng phát âm tốt, gần với chuẩn bản ngữ. Trong quy trình dạy trên lớp, giáo viên phải làm mẫu (*demonstrate*), không giải thích, không dịch. Ở đây chúng ta tìm thấy sự gần gũi với yêu cầu dạy trẻ: đó là những hoạt động làm mẫu, luyện phát âm tốt, và luyện giao tiếp. Cũng vì thế chúng ta thấy cùng với TPR và MAT, nhiều kỹ thuật giảng dạy của DM được sử dụng để thiết kế chương trình học cũng như xây dựng bài luyện trên lớp. Đó là những kỹ thuật như Hỏi-Đáp (Q&A), Hội thoại (Conversation Practice), Đọc to (Reading Aloud). Chúng ta sẽ có dịp quan sát một vài kỹ thuật của DM trong các phần sau.

Phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ, tận dụng quan điểm của phương pháp giao tiếp CA nhiều hơn của phương pháp trực tiếp DM ở chỗ, tiếng mẹ đẻ được sử dụng trên lớp khi cần đến, ví dụ dùng để hướng dẫn học sinh làm bài tập, hướng dẫn và điều khiển

trò chơi. Nó tiết kiệm được thời gian, tránh được lối nói vòng quanh khó hiểu. Nhưng ngược lại nó tận dụng quan điểm DM ở chỗ: phát âm là quan trọng, phải chú ý ngay từ đầu, thậm chí phải sửa lỗi phát âm một cách cẩn thận. Trong tất cả các bài của chương trình Let's Go, bài nào cũng có một bài luyện phát âm, đặt ở mục *Let's Learn Some More*. Ví dụ như bài luyện sau đây của Unit 7. Level 1.

PRONUNCIATION PRACTICE

A. Pronounce the Alphabet

Cô giáo cho học sinh đứng theo vòng tròn.

Giáo viên tung bóng cho một học sinh S1 và nói chữ cái A.

S1 nói B, và tung quả bóng cho S2.

S2 nói C, và tung bóng cho S3.

S3 nói D

v.v.

Bé nào nói nhầm, cô giáo nhắc và phải nói lại, rồi mới tung bóng cho bạn tiếp theo.

B. Sounds, Letter and words

Học sinh mở trang 61. Let's Go-1B

Mở băng ghi âm. Lần thứ nhất, học sinh vừa nghe vừa chỉ vào chữ cái và tranh ở cuối trang 61.

Chú ý âm u ngắn viết là [ʊ]

S, [es], sun; T, [tee], table; U, [ʊ], umbrella; V, [vee], van.

Mở lại băng lần thứ hai. Dừng lại sau mỗi chữ cái cho học sinh nhắc lại.

Giáo viên viết chữ S (chữ in) và s (chữ thường) với từ *sun* lên bảng. Gạch chân chữ s trong từ *sun*. Chỉ vào S và s trên bảng.

T: /es/ là tên của chữ cái S, /es/, /es/, /es/

Học sinh nhắc lại. Chỉ vào chữ s trong *sun*

T: /s/ âm của chữ 's' trong từ 'sun'. Sun, sun, sun.

Học sinh nhắc lại

Cô giáo yêu cầu học sinh nghĩ một số từ bắt đầu bằng chữ cái

S (six, seven, sister, sneaker);

T (two, ten, tall, tree), và

U (ugly, under).

Trong các phương pháp chúng ta đã đi qua, không có phương pháp nào không chú ý đến yếu tố tạo sự vui vẻ, không khí tự nhiên trong giao tiếp trên lớp. Không phải chỉ đối với trẻ, mà đối với các lớp người lớn, các phương pháp đều đề cập đến hình thức trò chơi, phát triển nó như một loại hình giao tiếp tổng hợp. Phương pháp giao tiếp CA cũng phát triển một loạt trò chơi như *scrabble*, *cross words*, *quiz*, *blockbuster*, *etc.* gọi chung là *language games* và những kỹ thuật mang tính trò chơi, đố vui. Riêng đối với các lớp nhỏ tuổi, các nhà phương pháp cũng thiết kế trò chơi cho từng lứa tuổi và từng trình độ.

Trò chơi

SLAP (ĐOẠT PHIẾU)

Học sinh phải thật nhanh tay nhanh mắt trong trò chơi này.

Chia học sinh thành từng nhóm nhỏ.

Giao cho mỗi nhóm một bộ phiếu từ hoặc phiếu tranh. Đặt ngửa phiếu lên bàn trong tầm với của toàn nhóm.

Người hô (*the caller*: giáo viên hoặc một học sinh) cũng có một bộ phiếu như thế, nhưng xếp trật tự lộn xộn.

Người hô đọc to một từ hoặc nhóm từ ghi ở trên đầu phiếu.

Mọi người trong nhóm phải thật nhanh về lấy phiếu.

Ai chiếm được phiếu thì đọc to từ ghi trong phiếu và người ấy được một điểm.

Tiếp tục chơi như vậy. Cuối cùng học sinh nào đọc được nhiều phiếu nhất thì thắng.

Mỗi nhóm sẽ có một người thắng cuộc.

Đây thực sự là một không khí chúng ta hằng mong muốn đối với một lớp ngoại ngữ.

Một không khí mà khẩu hiệu của phương pháp giao tiếp đã đề xướng

ENJOY TEACHING, ENJOY LEARNING

Trong phần sau chúng ta sẽ bàn thêm về phương pháp tăng cường các kỹ năng ngôn ngữ, nói, nghe, đọc, viết, và dùng tự điển.



PART 8:
DAY TRẺ NGHE, NÓI, ĐỌC, VIẾT
(TEACH CHILDREN TO LISTEN, SPEAK, READ AND WRITE)

Khi tổ chức một lớp dạy tiếng, dù đối tượng nào, ứng dụng phương pháp nào, thì mục tiêu cuối cùng của khoá học vẫn là xây dựng được năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói đọc, viết. Nó có điểm giống và điểm khác với sự phát triển ngôn ngữ trong những năm đầu đời của trẻ, tức là quá trình tiến tới khả năng nghe, nói, sau đó là đọc, viết tiếng mẹ đẻ một cách thuần thục.

Trong các phương pháp chúng ta đã điếm qua trong chương trình này cũng như nhiều phương pháp khác chưa được nói đến, mục tiêu đều là lấy ngôn ngữ nói làm điếm nhấn của quy trình học tập, và do đó chúng có nhiều điếm chung về kỹ thuật lên lớp. Hầu hết các phương pháp đều bắt đầu từ nghe hiểu, rồi đến nói, hoặc tiến hành song song hai quy trình nghe hiểu và nói. Khi đã xây dựng được một vốn ngữ liệu bằng lời, kỹ năng đọc và viết dần dần được quan tâm nhiều hơn. Đối với trẻ nhỏ, hướng đi như thế này rất phù hợp.

Trong Phần 8 này chúng ta điếm lại những kỹ thuật dạy nghe-nói tiếng Anh cho trẻ và xem xét tính hiệu quả của nó, thông qua bộ giáo trình Let's Go và dưới quan điếm của phương pháp MAT, TPR và CA. Sau đó chúng ta lại xem xét quá trình đưa yếu tố đọc và viết vào các bài học như thế nào.

Chụp trang 8 Student. Unit 6. Let's Read.
Let's Go 2A

B. Cũng nhóm học sinh đó như nghe băng và làm động tác

Listen, Listen.....	học sinh vênh tai lên (động tác nghe).
Please be quiet. SH!	học sinh ngồi ngay ngắn. Im lặng.
Please stand up.	học sinh đứng cả dạy.
Please sit down.	học sinh ngồi xuống.
Open your book.	học sinh mở sách.
Please be quiet.	học nghiêm chỉnh. Im lặng.

Trò chơi

MATCH

Cô giáo phát cho mỗi học sinh một handout, chụp từ trang 70. Workbook 1B

Cô giáo ra lệnh, ví dụ: swim

Học sinh nối từ vào hình ảnh

Chú ý, ra lệnh không theo trật tự.

Xuất phát từ điểm ban đầu ấy, các bài luyện nghe tiến dần đến những tình huống giao tiếp, tức là kết hợp hai kỹ năng nghe và nói. Trước hết là kỹ thuật Q&A. Chúng ta thấy trong kỹ thuật này bao hàm hai bình diện: một là câu hỏi về một vật thể, một sự việc; vậy câu trả lời sẽ là nhận diện một vật thể hoặc sự việc (*Identifying objects/events*). Ví dụ: *What's this? It's an apple.*

Sau đây là một ví dụ về nhận diện một sự việc

Chụp Let's Go 1. Unit 6. Let's Sing: How's the weather? Trang 47. Student 1B

Hai là nếu câu hỏi là hỏi ý kiến thì câu trả lời sẽ là sự công bố ý kiến của mình (*Giving opinions*). Ví dụ *What's your favourite colour? I like green.* Sau đây là một ví dụ về hỏi ý kiến và công bố ý kiến.

Let's Go - 1. Unit 8. trang 65. Let's Sing:
What do you like?

Khi luyện học sinh hỏi-đáp điều chúng ta cần quan tâm là ngữ điệu và cử chỉ. Chẳng hạn khi nhận diện một đồ vật, ngữ điệu và cử chỉ có thể bình thường, thản nhiên; nhưng khi trả lời về ý kiến của mình thì thái độ thích và không thích rất khác nhau. Chúng ta hãy quan sát.

Let's Go 2B. Unit 5.
Let's Talk: *Do you want spaghetti?*
Chụp ảnh dưới: cả hai ảnh

Một điều nữa là trong khi luyện Q&A chúng ta đã phải quan tâm đến tốc độ nói, tức là đảm bảo tốc độ tự nhiên, và nhịp điệu. Trong Phần 3 của chương trình chúng ta đã nói nhiều đến đặc thù của tiếng Anh: đó là nhịp câu. Yêu cầu đạt được chuẩn này đã được thể hiện thông qua những bài tập rất hữu hiệu của 6 tập *Let's Chant. Let's Sing*. Ngoài ra trên lớp còn có nhiều hình thức để luyện nhịp điệu. Nó có thể là một bài tập mang tính trò chơi. Ví dụ như trò chơi sau đây

RHYTHM

Bài đọc theo nhịp một-hai

(A one-two rhythm)

Học sinh đứng thành vòng tròn. Tạo ra một bài đọc theo nhịp một-hai: Hai đập (đập vào đùi hai cái), hai vỗ (vỗ tay hai cái); búng tay phải (tức là dùng ngón tay cái và ngón tay cạnh ngón tay chỏ của tay phải búng thành tiếng kêu "tách") một cái; búng tay trái một cái. Làm đi làm lại nhiều lần để mọi học sinh đều làm đúng theo nhịp. Búng tay phải, gọi tên mình. Búng tay trái, gọi tên một người khác. Cứ tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả học đều làm được.

Quy tắc:

Two slaps to the thighs

Two claps twice

Snap thumb and finger of right hand once

Snap thumb and finger of left hand once

All	(two slaps, two claps)
T	Ms Lee (snap), Ken (snap)
All	(two slaps, two claps)
S1 (Ken)	Ken (snap), Mari (snap)
All	(two slaps, two claps)
S2 (Mari)	Mari (snap), Jenny (snap)

Giai đoạn Q&A đã trở thành giai đoạn chủ chốt của quy trình luyện nói. Nó kéo dài hết toàn bộ Trình độ 1 (Level 1) cho đến giữa Trình độ 2 (Level 2), tức là lúc bước vào gian đoạn cho học sinh luyện hội thoại. Thực ra ngay cả ở giai đoạn này, đối với trẻ nhỏ cũng chỉ là những bài giao tiếp đơn giản, có những bài cũng chỉ là phát triển từ một câu hỏi sang hai câu hỏi, chứ chưa hẳn là một chuỗi hội thoại thể hiện những chức năng khác nhau như trong các cuộc hội thoại của người lớn. Điều đáng chú ý ở đây là một khi đã chuyển sang giai đoạn hội thoại, chúng ta cần chú ý hơn đến trọng âm câu và ngữ điệu.

Lối nói tự nhiên, bao hàm cả giọng nói và cử chỉ, thể hiện như vậy. Chẳng hạn trong câu hỏi sau đây trọng âm chỉ rơi vào "cat, that"

*Whose **cat** is **that**?*

Và trong câu hỏi sau đây chúng ta thấy chỉ có "Jenny" là có trọng âm

Is it ***Jenny's*** cat?

Đảm bảo được yêu cầu về trọng âm câu như thế này thì mới tiếp cận được với ngôn ngữ tự nhiên của trẻ nhỏ người Anh.

Bây giờ chúng ta bàn đến hai kỹ năng đọc và viết. Bàn về bình diện này Asher, tác giả của phương pháp TPR nói "Điều kỳ diệu của TPR là khi ngôn ngữ mục tiêu (tức là tiếng Anh) đã được tiếp thu thông qua động tác cơ thể, trẻ nhỏ không phải chỉ hiểu điều chúng ta nói mà còn hiểu được những thứ trẻ nhìn thấy in trên giấy. Sự chuyển dịch tích cực từ nghe hiểu sang đọc hiểu là sự tiết kiệm rất lớn về thời lượng giảng dạy". Asher còn gọi quá trình này là sự chuyển dịch từ nghe sang đọc lúc nào không biết " *...a smooth transition from listening fluency to reading without awareness.*"

Trên thực tế thiết kế chương trình, ngay từ bài học đầu tiên, học sinh đã được tiếp cận với hai loại: một là tín hiệu âm thanh, và hai là ký hiệu chữ viết, tất nhiên sự tập trung chủ yếu vẫn là âm thanh. Cụ thể là trong Bài 1. Trình độ 1, học sinh vừa nghe bài hát "The Hello Song", vừa chỉ vào tên các bạn khi nghe thấy băng nói đến tên đó.

Trên trang sách này chúng ta thấy, để có thể chỉ đúng, học sinh chủ yếu nhận mặt các nhân vật: Andy, Jenny, Lisa, Scott, John và Kate. Nhưng vì tên của các bạn đó in thành chữ nằm ngay cạnh các khuôn mặt, nó không thể không đập vào mắt học sinh như một ký hiệu. Vậy hiện tượng đọc chữ in cũng đã xảy ra một cách không ý thức.

Về bình diện viết, Asher cũng nói rằng qua bài này sang bài kia học sinh sẽ viết mà không biết mình đang viết "... *they will be writing without knowing that they are writing*"

Rõ ràng ngay từ đầu học sinh cũng đã được luyện viết.

Ví dụ trong Bài 1 của Let's Go 1,

Chụp Let's Go-1A. Unit 1, trang
"workbook 3" (màu đen)

Thông qua nghe hát học sinh đã thuộc tên một số bạn. Bây giờ học sinh phải tô tên bạn vào trong ô chữ nhật. Mức độ viết tăng dần:

- Trong ô thứ nhất chỉ cần thêm một từ: *Jenny*
- Trong ô thứ hai học sinh phải viết ba từ: *name is John*
- Và trong ô cuối cùng học sinh phải viết cả câu: *Hello! My name is Scott.*

Học sinh có thể làm được việc này mặc dù chúng ta chưa dạy vần chữ cái, và cách ghép chữ cái thành từ. Quan điểm chủ yếu ở đây là: học sinh hãy làm việc đó một cách cơ học là tô lại một ký hiệu, giống như tô lại hình một con chó, con mèo gì đó. Ở đây chúng ta thấy một động tác nhưng bao hàm hai nội dung: tô chữ và đọc chữ.

Hoạt động này xảy ra liên tục từ bài nọ sang bài kia, và cuối cùng tuy chúng ta không đặt mục tiêu đọc và viết nhưng học sinh vẫn đọc và viết hàng ngày, mà không ảnh hưởng gì đến quy trình luyện nghe nói.

Cho đến bài thứ tư, tức là một nửa Level 1, chúng ta vẫn chỉ thấy loại hình nghe và nhận diện nhân vật, kèm theo chữ viết bên cạnh

Mở băng ghi âm

Andy *Who's she?*
 Kate *She's my grandmpother.*
 Andy *Who's he?*
 Kate *He's my grandfather.*

Phải mãi đến khi kết thúc Level 1, sang Trình độ 2, bài học mới được cấu tạo thêm phần LET'S READ. Các bài luyện đọc bao giờ cũng kết hợp với viết. Quy trình học đọc bắt đầu bằng học đọc từ. Chúng ta hãy quan sát.

Giáo viên viết **__at** lên bảng.

Giáo viên vừa đọc tổ hợp -at, vừa di ngón tay của mình bên dưới và dọc theo hai chữ đó. Học sinh đồng thanh nhắc lại vài lần.

Viết chữ cái **c** vào trước tổ hợp -at (tạo thành từ *cat*). Chỉ vào **c** và nhanh chóng di ngón tay theo hai chữ *at*. Đọc từ đó vài lần, vừa đọc vừa chỉ.

T: *cat, cat, cat* .

Học sinh nhắc lại.

Bên dưới từ *cat* trên bảng, lại viết **__at**.

Gọi học sinh phát âm -at.

Viết chữ cái **h** vào trước -at (tạo thành từ *hat*).

Chỉ vào **h** và nhanh chóng di ngón tay theo hai chữ *at*. Đọc từ đó vài lần, vừa đọc vừa chỉ.

T: *hat, hat, hat* .

Học sinh nhắc lại.

Sau đó thầy cô giáo sẽ tiến một bước nữa trong dạy đọc, đó là ghép từ thành câu. Ví dụ

The cat is in the hat.

Vậy là đến đây chúng ta đã dạy đọc một cách có ý thức: bước một dạy ghép âm thành từ, và bước hai, dạy ghép từ thành câu. Tuy nhiên đây không phải là kỹ thuật tập đánh

vẫn như tiếng Việt, vì tiếng Anh là ngôn ngữ không biểu âm, một chữ có thể có nhiều cách đọc. Ví dụ

chữ **a**

có thể đọc là /ɑ/ trong từ *hat*, /eɪ/ trong từ *day*, /ʊ/ trong từ *again*, v.v. Vì thế cách dạy của chúng ta không phải là ghép chữ thành từ, mà ghép âm thành từ. Ví dụ

-ate / eɪ /	k / k /	Kate / keɪ t /
-an / ɑn /	m /m/	man / mɑn /
-all / ɑ:l /	b / b /	ball / bɑ:l /

Như vậy cái khó đối với trẻ của chúng ta là sự khác nhau giữa cách đọc con chữ và cách đọc âm thể hiện bằng con chữ ấy. Phương thức tốt nhất là hãy để cho trẻ Việt Nam học tiếng Anh tiếp thu hiện tượng này một cách tự nhiên như trẻ người Anh, tránh giải thích.

Trong phương pháp trực tiếp DM chúng ta thấy có một kỹ thuật đọc to (*Reading aloud*). Thực ra mục đích của kỹ thuật này là luyện phát âm. Chúng ta có thể sử dụng kỹ thuật này, nhưng phối hợp ba mục đích: đọc to (phát âm), đọc hiểu (*reading comprehension*) và viết. Kỹ thuật này cần sự hỗ trợ của băng ghi âm để tiếp cận với cách phát âm bản ngữ. Chúng ta thực hiện kỹ thuật này như sau.

Bước 1: Học sinh mở sách trang 16 (trang màu). Let's Go 2. Unit 2.

trang 16 (trang màu). Let's Go 2. Unit 2.

Mở băng ghi âm. Sau một từ dừng lại. Băng đọc từ nào, học sinh chỉ vào hình có từ đó và đồng thanh nhắc lại.

Mở băng ghi âm câu tiếp theo, và làm như trên.

-ed bed, red, Ted
-en hen, pen, ten
-et net, pet, wet

Bước 2:

Mở băng ghi âm. Sau một câu dừng lại. Băng đọc câu nào, học sinh chỉ vào câu đó và đồng thanh nhắc lại.

Mở băng ghi âm câu tiếp theo, và làm như trên.

Ted is in the red bed.
The ten pens are by the hen.
The wet pet is in the net.

Bài tập kết thúc bằng viết. Giáo viên mở băng lại một lần nữa (bước 1: từ). Sau một từ, dừng lại. Băng đọc từ nào, học sinh nhắc đồng thanh từ ấy. Rồi sau đó viết từ ấy vào giấy. Cho phép học sinh nhìn sách để viết. Sau này khi trình độ học sinh đã cao hơn, chúng ta có thể dùng những bài luyện như thế này để đọc chính tả. Tuy nhiên đối với trẻ nhỏ, chúng ta chỉ tiến hành đọc chính tả khi học sinh đã thuộc lòng những câu mà thầy cô định cho viết. Tuy đã thuộc lòng nhưng học sinh vẫn được phép nhìn vào sách để chép ra giấy.

Kỹ năng đọc và viết cũng được rèn luyện qua các loại hình quen thuộc như trò chơi *Scrabble*, một loại trò chơi nhằm tăng cường vốn từ vựng

Chụp Scrabble

Với tư cách là một giáo viên dạy tiếng, chúng ta luôn luôn phải quyết định. Có những quyết định nhỏ như thay đổi một chi tiết trong trò chơi, nhưng cũng có những quyết

định lớn như lựa chọn kỹ thuật dạy trên lớp. Sự lựa chọn này đòi hỏi chúng ta không những nắm vững các quan điểm về phương pháp mà còn tìm ra con đường phối hợp các phương pháp để phục vụ cho đối tượng cụ thể của chúng ta, ở đây là trẻ nhỏ học tiếng Anh. Tuy nhiên người thiết kế chương trình và giáo trình giảng dạy đã giúp chúng ta rất nhiều để có thể quyết định được đúng đắn. Chất lượng cuối cùng của học sinh phụ thuộc rất nhiều vào người thầy.

Trong Phần sau, chúng tôi xin trình bày phương pháp sử dụng tự điển hỗ trợ cho quy trình học tiếng của trẻ.



PART 9:
SỬ DỤNG TỰ ĐIỂN
(USING THE PICTURE DICTIONARY)

Ai đã học ngoại ngữ thì khó có thể xa rời một quyển tự điển nào đó. Mỗi người có một nhu cầu riêng của mình về tự điển. Tuy nhiên để chọn được một cuốn tự điển đáp ứng yêu cầu của mình một cách có chất lượng không phải là dễ.

Đối với trẻ học tiếng, tự điển đòi hỏi phải có một cách thiết kế hoàn toàn khác với tự điển thông thường. Nói đến tự điển cho người học ngoại ngữ là nói đến từ vựng, thành ngữ, cách kết hợp từ và mẫu câu minh họa cách sử dụng từ. Tự điển cho trẻ cũng đòi hỏi những yêu cầu này, nhưng cách thiết kế phải đa dạng, hấp dẫn, và đáp ứng được đặc thù của đối tượng sử dụng.

Chúng ta hãy bàn đến một cuốn tự điển thích hợp cho trẻ học tiếng Anh, đó là cuốn Let's Go Picture Dictionary của Nhà xuất bản Oxford, do R. Nakata, K. Frazier, và B. Hoskin biên soạn.

hình bìa tự điển: Let's Go Picture
Dictionary.

Let's Go Picture Dictionary là cuốn tự điển trước hết phục vụ trực tiếp cho hệ thống Let's Go. Cũng như đòi hỏi đối với bất cứ tự điển nào dành cho trẻ nhỏ, nó phải là tự điển tranh. Nó đòi hỏi một số lượng từ có tần số xuất hiện cao, và hơn nữa là tần số xuất hiện cao trong ngôn ngữ của trẻ nhỏ, ví dụ ở đây ta thấy có 975 từ có tần số xuất hiện cao (high-frequency words).

Điều đặc biệt thứ hai không có đối với các từ điển thông dụng là nó được tổ chức theo chủ đề, và là những chủ đề quen thuộc với trẻ nhỏ như gia đình, quần áo, trường học, v.v. Trong quyển tự điển này chúng ta thấy có 55 chủ điểm (*topics*), sắp xếp thành 11 đơn vị chủ điểm (*thematic units*).

Điều đặc biệt thứ ba là, tự điển có kèm theo băng ghi âm ghi lại giọng bản ngữ đọc tất cả những từ và mẫu câu có trong tự điển đó. Yếu tố này chính là yếu tố lý tưởng đối với trẻ dùng tự điển, vì trẻ không thể đọc được phiên âm quốc tế, mà một trong những mục đích của tự điển là cung cấp cách phát âm.

Tự điển thông thường là một loại sách công cụ. Nhưng trong hệ thống Let's Go, nó là một thành tố như một cuốn giáo khoa, có thể dùng để luyện. Chúng ta có thể điểm lại các thành tố dùng để luyện các kỹ năng nghe nói.

Student Book.

Nét đặc biệt của Student Books là dạng thức Q&A dùng để luyện học sinh những dạng hỏi-đáp thích hợp với tình huống, để sau đó tiến tới những bài luyện hội thoại ở những trình độ cao hơn.. Các dạng thức này thiết kế thành 6 trình độ, với sự hướng dẫn của sách giáo viên

Cassettes

Đây là một công cụ để học sinh tiếp cận với giọng nói bản ngữ.

Teacher's Cards & Student's Cards

Các loại phiếu này giúp thầy cô giáo huấn luyện học sinh nghe nói và chơi trò chơi một cách sinh động hơn.

Wall Charts

Loại tranh tường này không dùng để mô tả, mà vẫn là một công cụ để luyện kỹ năng phục vụ cho phương pháp MAT và TPR.

Vậy chúng ta có thể đặt câu hỏi: Vai trò của tự điển trong hệ thống này là gì? Chúng ta có thể sử dụng như một công cụ để luyện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, hỗ trợ cho tuyến chính. Chúng ta thấy cách tổ chức của hai hệ sách chính và *Picture Dictionary* khác nhau: sách chính luyện kỹ năng theo chức năng. Hay nói cách khác là

xây dựng năng lực giao tiếp thông qua các tình huống. Ngữ liệu giới thiệu và luyện cho học sinh là những từ và mẫu câu đáp ứng các tình huống giao tiếp ấy. *Picture Dictionary* luyện kỹ năng theo chủ đề (*topics*). Ví dụ Con số (numbers), Cảm giác, Tình cảm (Feelings), Nhà cửa (House), Dụng cụ thể thao (Sports Equipment), v.v.

Trên cơ sở tổ chức một quyển tự điển như vậy, chúng ta sẽ khai thác như thế nào để rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ. Kỹ thuật đầu tiên chúng ta có thể sử dụng là nghe và nhận diện.

Kỹ thuật này đơn giản là cho học sinh mở sách, rồi nghe băng đọc và nhận diện tranh tương ứng.

LISTENING & IDENTIFYING OBJECTS

Học sinh mở sách. Mở băng ghi âm. Cho học sinh nghe một lượt từ đầu đến cuối các từ để nhận diện âm thanh, đồng thời khớp âm thanh đó với chữ và hình ảnh. Cho học sinh nghe lần thứ hai. Cô giáo dừng từng từ, cho học sinh nhắc lại (để luyện phát âm đúng) và chỉ vào tranh tương ứng. Sau đó cô giáo có thể đọc một số từ không theo trật tự. Học sinh phải nhận diện tranh tương ứng bằng cách chỉ vào tranh đó.

hình trang 40. Chủ đề 22: Clothes

Lần thứ nhất

Mở băng ghi âm.

Đọc từ nào thì học sinh chỉ vào tranh ấy.

Lần thứ hai

Luyện cả lớp (*Class work*). Cô giáo mở băng, dừng lại sau từng từ. Học sinh chỉ vào tranh tương ứng và nhắc lại.

Lần thứ ba

Luyện cả lớp. Treo tranh lên bảng.

Gọi một học sinh lên bảng đứng cạnh tranh.

Cô giáo có thể đọc một số từ không theo trật tự.

Học sinh này chỉ vào tranh tương ứng.

Cả lớp đọc đồng thanh từ đó.

Bài tập vừa rồi chủ yếu là luyện học sinh nhận diện vật thể. Cái ưu việt của nó là học sinh được tiếp cận với âm bản ngữ. Tiến thêm một bước, chúng ta có thể dùng tranh theo chủ đề của tự điển để luyện nghe nói. Chúng ta hãy cùng quan sát một bài tập theo hình thức này.

LISTENING & SPEAKING

Cô giáo yêu cầu học sinh mở tự điển chủ đề 15: Family. Trang 27

Cô giáo chỉ vào tranh và hỏi: *Who's she?*

S1: *She's my mother*

Đối với một lớp cụ thể cô giáo nên bảo học sinh mang một bức ảnh gia đình của mình đến lớp. Dùng những ảnh đó để luyện mẫu câu *Who's she? Who's he?* Làm như vậy chúng ta đã tránh được những bài tập dùng thông tin giả. Khi học sinh trả lời *She's my mother.* thì người đó là mẹ thật của học sinh. Đây cũng là cách giới thiệu chủ đề (*present the topic*) một cách tự nhiên.

Để có thể tiếp cận với kỹ thuật luyện nghe nói, chúng ta có thể dùng tranh để tạo nên một cuộc hội thoại ngắn. Giáo viên dựng lên một mẫu và học sinh bắt chước. Ví dụ giáo viên cho học sinh mở sách, rồi chỉ vào chiếc điều mà nói

T: *I have a kite. Have you got a kite?*

S1: *Yes, I have.*

S2: *No, I haven't.*

Các tiến hành bài tập này trên lớp như sau

Chụp trang 53. Chủ đề số 28. Tự điển tranh

Cô giáo: Các em mở tự điển trang 53. Chủ đề số 28. Chủ đề của chúng ta là gì?

Học sinh (đồng thanh) *Toys*.

Cô giáo: *Look at number 14. A kite. A kite. I want a kite. Which toy do you want?*

S1: *I want a ball*

Cô giáo: Bây giờ các em chọn một thứ trong trang 53, và nói như cô. Bạn bên cạnh trả lời.

S2: *A robot. A robot. I want a robot. Which toy do you want?*

S3: *I want a ball.*

Cách luyện này đã tận dụng được điểm mạnh của tự điển là tăng vốn từ. Nhưng hơn thế nữa, kỹ thuật của chúng ta đã giúp học sinh tăng vốn từ trong tình huống, bằng cách đưa từ vào tình huống. Đồng thời hoạt động này rèn luyện học sinh bước đầu tiến tới hội thoại. Khi học sinh đã vượt qua giai đoạn đầu tức là giai đoạn tiếp thu ngôn ngữ theo phương pháp TPR, chúng ta có thể tận dụng từ điển để tiến hành bước TALK. Ở bước này học sinh đã vượt qua kỹ thuật Q & A. Talk có thể bắt đầu bằng một câu đơn. Ví dụ *I like* hoặc *I have* Và sau đó là câu nói tiếp của người giao tiếp với mình. Ví dụ chúng ta yêu cầu học sinh mở một chủ đề trong tự điển. Hãy chọn chủ đề nào học sinh đã học qua để tránh vấp phải nhiều từ mới quá. Sau đó luyện như sau

TALK

Cô giáo yêu cầu học sinh mở tự điển trang 58. Chủ đề 31: Sports

Cô giáo và một học sinh dùng puppets làm mẫu

Rối Đen (cô giáo) *I like tennis.*

Rối Vàng (học sinh) *I don't like tennis. I like soccer.*

Chia lớp thành từng đôi (pair work), chỉ vào các hình môn thể thao khác nhau và luyện như trên. Ví dụ

S1: I like basketball.

S2: I don't like basketball. I like swimming.

Chú thích: (1) Khuyến khích học sinh nói thật.

(2) Chấp nhận cấu trúc: *I like, too.* (vì đã học rồi)

S1: I like badminton.

S2: I like badminton, too.

Đối với những lớp học nhiều hơn, chúng ta có thể dùng những cấu trúc câu phức tạp hơn. Ví dụ ở những lớp đã học thời hiện tại đang tiến hành (*present continuous tense: be + V-ing*) chúng ta có thể làm mẫu và luyện học sinh như sau

Cô giáo bảo học sinh mở sách trang 58. Chủ đề 31: Sports.

Cô giáo và một học sinh dùng puppets làm mẫu

Rối Đen (cô giáo) *They are playing basketball*

Rối Vàng (học sinh) *I like to swim.*

Chia lớp thành từng nhóm (group work), chỉ vào các hình môn thể thao khác nhau và luyện như trên. Ví dụ

S1: They are playing football

S2: I like to play volleyball

Chú thích: (1) Khuyến khích học sinh nói thật.

(2) Chấp nhận cấu trúc: *I like to play, too.* (vì đã học rồi)

S1: They are playing badminton.

S2: I like to play badminton, too.

Hình thức luyện hội thoại là hình thức chỉ luyện được cho những lớp có trình độ cao. Để luyện hội thoại, chúng ta phải làm hai bước. Bước thứ nhất là tìm kiếm những hình ảnh có liên quan để dựng thành một đoạn hội thoại. Bước thứ hai là áp dụng kỹ thuật đóng vai giao tiếp (*role-play*)

Chúng ta cùng quan sát một quy trình tạo dựng và luyện hội thoại. Ví dụ chúng ta chọn chủ đề số 14: Feelings. Chủ đề này cho ta nhiều tình huống, nhiều trạng thái để dựng hội thoại.

CONVERSATION: FEELINGS

Cô giáo yêu cầu học sinh mở tự điển trang 24. Topic: 14: Feelings

tự điển trang 24. Topic: 14: Feelings

Cô giáo chỉ vào cậu bé ôm bụng hỏi: *How does he feel?*

S1: He's sick.

Cô giáo chỉ vào cậu bé đang ngủ trên tay bố *Look! The boy is sleeping.*

S1 They feel worried.

They want to go home.

Chia lớp thành từng nhóm 3-4 học sinh. Các nhóm tự tìm tình huống và dựng hội thoại như trên. Nhóm nào gặp khó khăn, cô giáo giúp đỡ để tìm tình huống để nói, hoặc gợi ý mẫu câu, v.v. Ví dụ

Nhóm 1 (Tình huống người bán bóng. Đứa trẻ khóc đòi mua bóng)

S1: How does she feel?

S2: She's not happy.

S3: Look! She is crying. She wants a ball.

Như vậy là tự điển tranh đã cấu tạo cả tình huống giao tiếp. Khi nhìn vào một trang tranh, chúng ta cần phân biệt có những trang chỉ thuần túy cung cấp từ (+ phát âm). Nhưng cũng có những trang tình huống cung cấp cho chúng ta ba yếu tố:

- (1) từ (+phát âm),
- (2) tình huống, và
- (3) mẫu câu dùng để sử dụng trong tình huống ấy.

Nhận biết điều này, chúng ta khai thác được tự điển ở nhiều góc độ khác nhau. Ở trình độ cao hơn nữa, chúng ta có thể tận dụng tự điển tranh này để tiến hành kỹ thuật kể chuyện (*Storytelling*)

Đầu tiên chúng ta phải chọn một chủ đề có tình huống có thể dựng thành một câu chuyện. Xin các thầy cô chú ý. Khi chúng ta chọn một chủ đề, có thể mục đích của tự điển đề ra cho chủ đề ấy khác với ý đồ của chúng ta. Nhưng chúng ta không sử dụng mục đích của tự điển đề ra, mà chỉ dùng nội dung tranh để tạo thành một câu chuyện. Ví dụ

Tự điển Let's Go Picture Dictionary.
Trang 32. Chủ đề 18: Living Room

STORYTELLING

Chủ đề *Living Room* này có mục đích là giới thiệu từ chỉ đồ vật trong một phòng khách của một gia đình, như bàn, ghế, TV, đầu đĩa CD, video, v.v. Nhưng chúng ta không quan tâm đến mục đích đó. Để tạo thành một câu chuyện, chúng ta chú ý hai cậu bé: cậu lớn hơn đang lắp băng video vào máy, cậu bé nhỏ hơn đang ngồi chờ xem băng. Con chó đang nằm ngủ. Chúng ta có thể dựng một câu chuyện như sau.

Luyện cả lớp (Class work)

1. This is **John**. This is **Mike**. And this is **Micky**, the dog.

Khi nói *John* chỉ vào cậu lớn.

Khi nói *Mike* chỉ vào cậu bé đang ngồi ở ghế.

Khi nói *Micky* chỉ vào con chó.

2. *John has a new video.*

3. *Mike wants to see it. He's sitting in an armchair waiting.*

4. *John is putting the videotape into the VCR*

5. *Micky is sleeping. It doesn't want to watch the video.*

Nói đến đâu cô giáo chỉ vào hình ảnh có liên quan đến đấy.

Luyện nhóm (Group work):

Ba học sinh chỉ vào tranh và kể chuyện.

Nói lại những câu như trên.

Nói đến đâu chỉ vào đấy.

S1: *This is John. This is Mike. This is Micky, the dog.*

John has a new video.

S2: *Mike wants to see it.*

He's sitting in an armchair waiting.

S3: *John is putting the videotape into the VCR.*

S1: *Micky is sleeping.*

S2: *It doesn't want to watch the video.*

Bài tập *Storytelling* là loại bài khó. Chúng ta cần phát huy trí tưởng tượng của học sinh để câu chuyện phù hợp, và gây hứng thú cho trẻ. Cùng một bức tranh, người lớn có thể nảy sinh ý tưởng hoàn toàn khác với trẻ. Thầy cô giáo chỉ nên đóng vai trò tạo điều kiện, tức là giúp đỡ học sinh khi chúng gặp khó khăn về mẫu câu. Không nên áp đặt sự tưởng tượng của mình cho trẻ, hay nói cách khác là không phải lúc nào mình cũng làm mẫu, tức là thầy cô tạo dựng câu chuyện và bắt trẻ nhắc lại.

Đến đây chúng ta bàn đến một loại hình bài tập khác. Tự điển tranh này của OUP cũng đáp ứng yêu cầu giới thiệu từ mới thông qua mệnh lệnh của phương pháp TPR. Ví dụ chúng ta mở trang 38.

hình trang38. Chủ đề 21: House verbs.
Tự điển tranh

Chúng ta có thể cho học sinh học mệnh lệnh qua tranh bằng cách nhận diện.

Ví dụ cô giáo hô:

T: *Dust the furniture.*

Học sinh chỉ vào tranh số 5 và hô to: *Number five.*

Cô giáo lại hô *Sweep the floor.*

Học sinh lại chỉ vào số 2 và hô to. *Number two.*

Sau đó thầy cô có thể yêu cầu học sinh gấp sách và cô ra lệnh, học sinh làm theo lệnh. Tất nhiên chúng ta phải chú ý không ra những lệnh không thể làm được ở trên lớp. Ví dụ: *Change the sheets* (Thay ga giường.) Không nên bảo học sinh làm giả vờ. Chúng ta càng tránh được những tình huống giả vờ càng tốt.

Như vậy là chúng ta đã xem xét cách sử dụng tự điển để luyện nghe nói. Việc dùng tự điển để luyện đọc bằng mắt và luyện viết là một điều rất thông thường và thuận lợi.

Chúng ta có thể khai thác nhiều loại hình bài tập khác nhau để phục vụ mục đích này. Chẳng hạn chúng ta dùng bài tập đánh vần phục vụ cho mục đích đọc chữ.

SPELL IT !

Cô giáo: Bài tập của chúng ta như sau. Các em giờ tự điển trang 31. Topic 17. Trang này có những từ chỉ đồ dùng trong bếp. Cô sẽ gọi một em đánh vần tên một đồ dùng. Các em hãy nhìn vào tranh và chữ tên đồ dùng đó. Ví dụ

S1: O - V - E - N

Cô giáo: What number?

Học sinh đồng thanh: Number 3.

Cô giáo: Listen and repeat... oven ... oven (Students repeat in chorus)

Bây giờ chúng ta bắt đầu làm bài tập

S2: C-UP-B-O-A-R-D

Cô giáo: What number?

Học sinh đồng thanh: Number 7.

Cô giáo: Listen and repeat... cupboard... cupboard (Chorus)

Từ kỹ năng nhận diện từ, nhóm từ và mẫu câu chúng ta làm tiếp thêm một bước nữa để tiến hành kỹ năng viết. Chẳng hạn chúng ta cho học sinh mở tự điển trang 56. Chủ đề số 30: Birthday Party. Cô giáo đặt câu hỏi. Gọi một học sinh trả lời. Sau đó yêu cầu học sinh đó viết câu trả lời của mình xuống giấy.

Hoặc chúng ta có thể luyện theo nhóm. Chia lớp thành nhiều nhóm. Cô giáo đặt một câu hỏi. Các nhóm đều đồng thanh trả lời, nhưng câu trả lời của các nhóm đều khác nhau. Nhóm nào nhóm nấy tự viết câu trả lời của mình xuống giấy.

hình trang 56. Chủ đề: Birthday Party
Tự điển tranh

T: *What do you see?*

S1: *I see four balloons.*

T: *What do you see?*

Group 1: *We see a horse.*

Let's Go Picture Dictionary còn có thể dùng để tiến hành một số trò chơi. Chúng ta hãy cùng quan sát trò chơi sau đây.

WORD DISCOVERY

Voice over: Học sinh mở tự điển ở một trang nào đó. Cô giáo yêu cầu học sinh tìm từ bắt đầu bằng âm gì đó, ví dụ từ bắt đầu bằng âm /k/

tự điển trang 62. Chủ đề 33: Outdoor
Activities

Cô giáo: Các em mở tự điển trang 62. Chủ đề 33: Outdoor Activities
Hãy tìm một từ bắt đầu bằng âm /k/

S1: It's number 6: ***camping***

Cô giáo: Hãy tìm một từ bắt đầu bằng âm / b/

S2: It's number 9: ***bird-watching***.

Cô giáo: Hãy tìm một từ bắt đầu bằng âm / s /

S3: It's number 14: ***sailing***, and number 15: ***surfing***.

Có thể làm trò chơi thách thức hơn nữa là yêu cầu học sinh tìm một từ có nguyên âm nào đó. Loại này khó ở chỗ nguyên âm thường đứng giữa, và một chữ có thể đọc nhiều cách khác nhau. Ví dụ yêu cầu học sinh tìm từ có nguyên âm / ɔ /, thì về chữ viết ta có thể tìm thấy hai từ là

jogging / 'dʒɒŋŋɪŋ /

roller-skating / 'rɒlɪskeɪtɪŋ /

nhưng chỉ có một từ đầu đọc là / ɔ /.

Điều chúng ta bàn đến ở đây là một cuốn tự điển tranh có thể là công cụ cho một số trò chơi. Chúng ta hãy tham khảo thêm những trò chơi như

Find the Picture

Who's the Fastest?

Categories

Chúng ta đã đi qua các kỹ thuật sử dụng một cuốn tự điển tranh như một công cụ để luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và chơi trò chơi để luyện tổng hợp các kỹ năng. Điều này thật hấp dẫn đối với trẻ. Và chúng ta cũng thấy được một điều rằng mọi công cụ cần tập trung vào cùng một mục tiêu là xây dựng năng lực sử dụng tiếng và tạo điều kiện cho mục tiêu đó được thực hiện dưới mọi hình thức, tức là tạo điều kiện đổi mới phương pháp.

Trong phần cuối cùng của chương trình này, chúng ta cùng tham dự một buổi dạy trẻ tiếng Anh.



PART 10:
DỰ LỚP (CLASS OBSERVATION)

Trong chín phần qua chúng ta đã bàn đến phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ nhỏ: những phương pháp tiên tiến, những kỹ thuật phổ biến và những điều thách thức trong học tiếng.

Hôm nay chúng ta cùng dự một lớp trẻ nhỏ học tiếng Anh. Chúng tôi không nghĩ đây là một giờ dạy mẫu mực, mà chỉ là một gợi ý về phương thức áp dụng phương pháp thích hợp cho một lớp học. Nó có thể dùng để tham khảo, để rút kinh nghiệm cả về phương pháp lẫn sự thích hợp với trẻ Việt Nam.

Tiết học này sử dụng Unit 8 của Let's Go 1B, Nhà xuất bản Oxford.

LET'S GO 1B (OUP). UNIT 8

Trong buổi học hôm nay chúng ta cùng quan sát cách dạy Bài 8. Yêu cầu về mặt ngôn ngữ là sau khi học bài này học sinh sử dụng được những mẫu câu sau đây:

- | | |
|-------------|--|
| Mẫu câu mới | 1. What's your favourite colour?
I like blue. |
| | 2. What about you?
I like red. |
| Ôn tập | 3. What do you like?
I like frogs. |
| | 4. Do you like spider? |
| | 5. Can it run? |

Về mặt chức năng, tức là những yêu cầu về dùng ngôn ngữ để bày tỏ ý đồ của mình, chúng ta cần dạy cho học sinh biết cách

Expressing likes (Diễn tả ý thích)

Agreeing (Bày tỏ sự đồng ý)

Chúng ta bắt đầu khởi động bài học bằng động tác gọi lại chủ đề và ngôn ngữ đã học.

WARM UP

Cô giáo (gắn một số màu lên bảng): Cô hỏi, cả lớp trả lời to nhé.

Cô giáo chỉ một số màu, đặt câu hỏi: *What colour is this?*

Học sinh trả lời

Sau phần khởi động là phần giới thiệu ngữ liệu mới.

PRESENTATION: LET'S TALK

Đây là bước làm mẫu (Model). Cô giáo dùng con rối làm mẫu, và sau đó là *video clip* làm mẫu.

Q&A

Giáo cụ: gắn 11 hình tròn màu lên bảng. Đây là những màu đã học trong Unit-2 (1A):

- | | | | | |
|-----------|----------|----------|-----------|------------|
| 1. yellow | 2. blue | 3. white | 4. pink | 5. gray |
| 6. red | 7. black | 8. green | 9. purple | 10. orange |
| 11. brown | | | | |

Cô giáo đọc tên các màu. Cả lớp đọc đồng thanh theo.

Sau đó dùng rối để làm mẫu mẫu câu hỏi-trả lời.

Lần 1

Puppet A (cô giáo): *What's your favourite colour?*

Puppet B (cô giáo): (chỉ vào màu đỏ) *Red*

Học sinh không đọc theo

Lần 2

Puppet A (cô giáo): *What's your favourite colour?*

Puppet B (cô giáo): (chỉ vào màu đỏ) *Green.*

Cả lớp đồng thanh nhắc lại câu trả lời theo Puppet B.

TALK

Giáo cụ: vẫn dùng 11 hình tròn màu gắn trên bảng.

Lần 3

Puppet A (cô giáo): *What's your favourite colour?*

Puppet B (cô giáo): (chỉ vào màu đỏ) *Red. What about you?*

Puppet A (cô giáo): *Blue. I like blue.*

Học sinh không nhắc lại

Lần 4

Gọi một học sinh đóng Puppet A (đưa Puppet A cho học sinh đó)

Puppet A (Học sinh): *What's your favourite colour?*

Puppet B (cô giáo): (chỉ vào màu vàng) *Yellow. What about you?*

Puppet A (Học sinh): *Blue. I like blue.*

Cũng trong phần giới thiệu ngữ liệu mới này, để giúp học sinh ghi nhớ lâu được hai ngữ liệu mới là

What's your favourite colour?

What about you?

và củng cố tên các màu, cô giáo cho học sinh xem video

Giáo cụ: Let's Go Video-1. Unit 8: Let's Talk

Jenny What's your favourite colour?

Andy Red. What about you?

Jenny I like blue.

Sau bước củng cố ngữ liệu này chúng ta đưa học sinh vào luyện tập. Hoạt động luyện tập đầu tiên là cho học sinh học hát bài *What do you like?*. Xin các cô giáo nhớ là học hát theo hai bước: tập đọc lời, rồi tập hát.

LET'S SING

Giáo cụ: Let's Go Video-1. Unit 8. Let's Sing: *What do you like?*

I like yellow, yes, I do

I like yellow, yes, I do

I like yellow.

I do, too.

I like yellow, too.

I like ice cream, yes, I do

I like ice cream, yes, I do

I like ice cream.

I do, too.

I like ice cream, too.

I like baseball, yes, I do

I like baseball, yes, I do

I like baseball.

I do, too.

I like baseball, too.

Đến đây chúng ta đã thực hiện xong bước giới thiệu ngữ liệu mới của bài hôm nay. Nhiệm vụ người thầy là đưa học sinh vào các loại hình hoạt động, luyện tập để sử

dụng được những ngữ liệu này, cũng như cuốn chiếu các ngữ liệu cũ. Chúng ta tiến sang phần *Let's Learn*.

LET'S LEARN

Practice 1

Cô giáo đặt một con chó đồ chơi lên bàn giáo viên. Cô giáo chỉ con chó nói

T: *Look! There's a dog.*

Một học sinh ngồi bàn đầu chạy lên ôm con chó vào ngực, quay lại nói với cả lớp

S: *I like dogs!*

Cô giáo lại đặt một con mèo lên bàn. Một học sinh ngồi ở bàn dưới (ví dụ bàn thứ 5) nói to cho cả lớp nghe thấy

S1: *Look! There's a cat.*

S2 chạy lên ôm con mèo vào ngực, quay lại nói với cả lớp

S2: *I like cats!*

Nếu có thời gian chúng ta tiếp tục cho học sinh luyện như thế này, thay đổi các con vật để ôn lại những từ chỉ con vật đã học. Sau đó cho học sinh vào bài luyện 2, với mục đích đưa học sinh vào giao tiếp.

Practice 2

Luyện đôi. Chia lớp thành từng đôi.

Đặt Phiếu Học sinh 134, 136, 138, 140, 142, và 144 úp mặt xuống bàn.

Các đôi luyện thay phiên nhau lật phiếu, hỏi và trả lời.

S1: *What do you like?*

S2: *I like (spiders)*

S1: *I like (spiders), too.*

Giáo viên đi quanh lớp hỗ trợ, nếu cần.

Đến đây chúng ta đưa học sinh vào bài luyện số 3, nhằm mục đích phối hợp các mẫu câu đã học thành một đoạn hội thoại.

Practice 3

Cô giáo yêu cầu học sinh mở sách trang: Student Book 67.

Mở băng ghi âm.

Học sinh nghe băng và chỉ vào các con vật tương ứng với lời nói trong băng. Vừa chỉ vừa nói theo băng.

1. *There's a bird. I like birds.*
I like birds, too.

2. *There's a dog. I like dogs.*
I like dogs, too.

3. *There's a cat. I like cats.*
I like cats, too.

4. *There's a frog. I like frogs.*
I like frogs, too.

5. *There's a rabbit. I like rabbits.*
I like rabbits, too.

6. *There's a spider. I like spiders.*
I like spiders, too.

Cô giáo: Bây giờ các em chơi một trò chơi nhé. Trò chơi chạy tiếp sức.

Delay Race (Chạy tiếp sức)

Cô giáo : Chúng ta chơi như sau.

Các em hãy chia thành ba đội nào

Từng đội ngồi theo một hàng ngang nào. Được rồi.

Cô cho các em ngồi đầu hàng một câu.

Người ngồi đầu hàng nói lại câu đó cho bạn ngồi cạnh mình. Bạn đó lại nói cho bạn ngồi cạnh, cứ như thế tiếp tục.

Đến bạn cuối hàng thì đứng chạy lên bảng viết từ ấy lên bảng. Đội nào làm nhanh thì thắng cuộc

Chúng ta chơi lần thứ nhất

.....

Chúng ta chơi lần thứ hai

.Chúng ta chơi lần thứ ba.....

.....

Đội nào thắng nào?.....

Ngoài những hoạt động trong bài cũng như trò chơi, các thầy cô có thể sử dụng ngữ liệu trong từ điển tranh để luyện hỏi-trả lời, đóng vai giao tiếp, v.v. Về việc này xin các thầy cô tham khảo Phần 9 (Sử dụng từ điển)

Tiếp sau đây là hoạt động rèn luyện học sinh sử dụng mẫu câu và củng cố từ vựng. Các loại hình bài tập cũng tương tự như *Let's Learn*, nhưng nó tổng hợp được việc

dùng *video clip*, *flashcards*, băng ghi âm, sách học (kể cả *workbooks*), và tự điển. Hình thức luyện kết hợp cả phát âm, nói, nghe, đọc bằng mắt và viết. Loại hình bài tập có cả bài tập cơ học (nhắc lại), hỏi-trả lời, đóng vai giao tiếp, trò chơi, v.v. Chúng ta hãy cùng quan sát cách thực hiện các bài luyện.

LET'S LEARN SOME MORE

Practice 1: Pronunciation practice

Cô giáo yêu cầu học sinh mở sách trang 69 (Student Book 1B)

Cô giáo mở băng ghi âm. Học sinh vừa nghe vừa chỉ vào chữ cái và tranh ở cuối trang.

Dùng lại sau mỗi chữ cái cho học sinh nhắc lại.

W, /w/, *window*; X, /ks/, *X-ray*; Y, /y/, *yo-yo*; Z, /z/, *zero*

Cô giáo yêu cầu học sinh nghĩ thêm một số từ bắt đầu bằng chữ cái W (*what, want, white, windy*), và Y (*yes, you, yellow, young*)

Cô giáo viết lên bảng *What do you want? I want a yellow yo-yo.*

Học sinh xung phong lên bảng gạch chân chữ *w* và *y*.

Cả lớp đọc những câu trên theo giáo viên.

Practice 2: Question-Answer ---> Communicate in group

Cô giáo yêu cầu học sinh mở sách trang 69 (Student Book 1B) để luyện nghe.

Sam: *Do you like robots?*

Ginger: *No, I don't.*

Cô giáo bật băng, yêu cầu học sinh nghe đến đâu chỉ tay vào hình ảnh tương ứng trong sách đến đấy.

1. *Do you like robots? No, I don't.*
2. *Do you like frogs? Yes, I do*
3. *Do you like rabbits? Yes, I do.*
4. *Do you like cars? No, I don't.*
5. *Do you like cats? No, I don't.*
6. *Do you like spiders? Yes, I do.*
7. *Do you like books? Yes, I do.*
8. *Do you like dogs? No, I don't.*
9. *Do you like dolls? Yes, I do.*
10. *Do you like birds? Yes, I do.*

Sau đó chia lớp thành những nhóm nhỏ (4-6 học sinh/nhóm) Dùng những câu hỏi-trả lời trong băng vừa nghe để giao tiếp: học sinh nọ hỏi học sinh kia.

Practice 3: Read

Cô giáo: Bây giờ cô viết lên bảng 5 câu.

I like dogs.

I like cats.

I like frogs.

I like spider

I like rabbits

Cô giáo cho học sinh đọc to theo mình những câu trên bảng và hỏi xem học sinh có hiểu không. (Đây là cấu trúc câu cũ, các từ cũng đã học rồi)

Practice 4: Write (Complete the words)

Cô giáo vẽ lại hình cuối trang Workbook 69 lên bảng. Chữ WINDOW bỏ chữ W ở đầu.

Cô giáo: Các em mở sách trang Workbook 69 (hình đen trắng), viết thêm một chữ vào đầu từ trong quả bóng. Kẻ một đường nối quả bóng đó vào áo của các bạn ở dưới. Chữ thêm vào phải khớp với chữ cái ở trên áo của các bạn đấy nhé.

Ví dụ, các em thêm chữ gì vào đây nào? (Cô giáo chỉ chữ INDOU). Thêm chữ W, đúng không? Vậy các em nối từ này với ai nào? Với bạn thứ nhất, đúng không? Tại sao? Vì trên áo bạn ấy có chữ W. Tốt lắm. Bây giờ các em làm tiếp đi nào.

Đến đây để thay đổi loại hình luyện nói, nghe, chúng ta có thể cho đọc một văn vần (chant)

Do you like cats?

Tất nhiên bài này là bài *Sing grammar* sáng tác phục vụ mẫu câu *Do you like ... ?*

Hình thức này sử dụng cả ở phần *Let's Learn* lẫn ở phần *Let's Learn Some More*.

Cả lớp học tập đọc theo băng bài "*Do you like cats?*" (Trong băng ghi âm *Let's Chant*.

Let's Sing 1, trang 43. CD)

Lần đầu nghe, không đọc theo.

Lần hai: Học sinh vừa đọc theo băng vừa vỗ tay theo nhịp.

Như chúng ta đã biết, phương pháp TPR sử dụng mệnh lệnh để luyện kỹ năng ngôn ngữ. Chúng ta hãy cùng dự lớp phần LET'S MOVE, tức là phần ứng dụng các kỹ thuật TPR để luyện.

LET'S MOVE***Model***

Cô giáo làm mẫu vừa ra lệnh, vừa làm động tác theo lệnh.

Học sinh làm theo cô giáo, và nói to mệnh lệnh. Ví dụ

Cô giáo (đứng làm động tác khoả tay): swim... swim

Học sinh (làm theo và nói to): swim...swim...

Làm tiếp theo một số lệnh khác như: fly, hop, jump.

Cô giáo tiếp tục dùng puppets để làm mẫu. Cô và học sinh cùng làm mẫu.

Gắn hình một con thỏ (phiếu GV 139) và một con ếch (Phiếu GV 141) lên bảng.

Cô giáo dùng rối để làm mẫu mẫu câu hỏi-trả lời.

Puppet Đen: (chỉ vào Phiếu Giáo viên 139) *Can it hop?*

Puppet Vàng: (gật đầu) *Yes, it can.*

Puppet Đen (chỉ vào Phiếu Giáo viên 141) *Can it run?*

Puppet Vàng: (gật đầu) *No, it can't.*

Practice 1: Pronunciation

Cô giáo yêu cầu học sinh mở sách trang 70 Student Book 1B.

Cô bật băng ghi âm. (walk, run, swim, fly, hop, jump)

Học sinh ngồi nghe + đọc theo

Cô gọi một số học sinh lên bảng

Cô bật băng, học sinh vừa nghe vừa làm động tác.

Practice 2: Chain drill

Xếp học sinh thành từng hàng, mỗi hàng không quá mười học sinh.

Mỗi học sinh cầm hai Phiếu Học sinh trong số 133, 135, 137, 139, 141, 143 (súc vật), và 145-150 (mệnh lệnh).

Mỗi học sinh phải có một phiếu súc vật và một phiếu mệnh lệnh.

Cô giáo giơ cho học sinh đứng đầu mỗi hàng (S1) xem hai phiếu, ví dụ: phiếu 133 (*bird*) và 145 (*walk*). Bắt đầu giao tiếp

T: *Can it walk?*

S1: *No, it can't.*

Sau đó, S1 cho người đứng cạnh mình trong cùng hàng xem hai phiếu của mình

S1: *Can it (fly)?*

S2: *No, it can't.*

Lặp lại như trên

Practice 3: Let's Chant

Yêu cầu học sinh mở sách (Let's Chant. Let's Sing-1), trang 39 : *Buy an Apple*.

Bật băng. Học sinh vừa nghe vừa vỗ tay đọc theo băng.

Practice 4: Picasso

Chia lớp thành từng đội, đứng theo từng hàng.

Gọi học sinh đứng đầu mỗi hàng (S1), cho học sinh đó xem một trong Phiếu Giáo viên 99-116. (Nội dung phiếu là một con vật đang làm động tác, ví dụ con chim đang bay)

Tất cả các S1 đều chạy lên bảng và vẽ lại tranh ở trong phiếu lên bảng.

Những thành viên khác trong đội phải nhận diện tranh vẽ của S1: con vật gì? Nó đang làm động tác gì?

Đội nào nhận diện được nhanh nhất thì được thưởng một điểm.

Như vậy là trong phần *Let's Move* chúng ta chủ yếu sử dụng các kỹ thuật của TPR. Trong các kỹ năng sử dụng tiếng, học sinh thường gặp nhiều khó khăn về kỹ năng nghe. Khó khăn chủ yếu là kỹ thuật nghe tiếng Việt rất khác với kỹ thuật nghe tiếng Anh. Một đằng nghe từng từ và bắt thanh điệu, một đằng nghe cả câu trên cơ sở bắt trọng âm. Chúng ta hãy luyện cho học trò của mình năng lực nghe bằng những bài tập đặc thù: đó là trò chơi, đọc văn vần và hát.

Practice 1: Charades (Game: Nhân diện từ qua cử chỉ)

Hoạt động này bao gồm nhiều dạng thức, nhưng tựu chung đều dùng cử chỉ để diễn tả nghĩa.

Đặt phiếu từ hoặc phiếu tranh úp mặt xuống, thành từng chồng.

Một học sinh nhặt một phiếu trên cùng, nhưng không thông báo cho cả lớp biết từ đó là từ gì. Học sinh đó phải dùng cử chỉ để diễn tả nghĩa của từ ấy.

Cả lớp đoán từ.

Practice 2: Identifying objects

(Nhân diện đồ vật qua nghe)

Cô giáo yêu cầu học sinh mở sách trang 71

Bật máy ghi âm.

Học sinh nghe và chỉ vào bức tranh tương ứng

1. *What's your favourite colour? Green.*
 2. *What's your favourite colour? Yellow.*
- What about you? I like purple.*

3. *What do you like? I like frogs.*
4. *What do you like? I like cats.*
5. *Do you like spiders? No, I don't.*
6. *Do you like rabbits? Yes, I do.*
7. *Can it fly? Yes, it can.*
8. *Can it walk? No, it can't.*

Practice 3: Please.**(Nghe mệnh lệnh và làm theo)**

Giáo viên ra lệnh không theo một trật tự nào.

Nếu mệnh lệnh đó có từ "*Please*" đứng đầu thì học sinh phải làm theo lệnh.

Nếu không nghe thấy "*Please*" thì phải đứng im.

Cô giáo điều khiển học sinh chơi.

Practice 4: Let's Sing. Let's Chant

Cô giáo: Sing, please

Cô giáo mở băng cho học sinh hát theo một bài: Trích trong Let's Go Video-1 Unit 3

Let's Sing: *This is my friend.*

This is my friend, Sarah.

Hello, Sarah.

This is my friend, Sarah.

Hello, Sarah.

This is my friend, John.

Hi, John!

This is my friend, John.

Hi, John!

This is my friend, Sarah.

This is my friend, John.

Let's play!

Học sinh ngồi hát theo

Cô giáo: Chant, please

Cô giáo mở băng cho học sinh đọc theo một bài Jazz chant.

Học sinh vừa ngồi vừa đập tay lên bàn theo nhịp đọc.

Mười bài giới thiệu phương pháp vừa qua chắc đã phần nào đưa chúng ta lại gần nhau hơn vì mục đích học tiếng Anh của con em chúng ta.

Rõ ràng xuất phát từ mục đích học tập và từ đặc thù lứa tuổi chúng ta cần tìm ra một phương hướng thích hợp. Sự thích hợp bao giờ cũng là yếu tố làm cho chúng ta dễ đạt được mục tiêu.

Trong việc dạy tiếng cho trẻ nhỏ ngoài môi trường bản ngữ, việc tạo môi trường học tập đúng hướng là rất cần thiết. Môi trường dạy trẻ không thể thiếu sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường. Trẻ nhỏ chắc sẽ mỉm cười vui thích khi thấy bố mẹ cũng nói giống như các thầy cô giáo, một mong mỏi lý tưởng của chúng ta.

Trên lớp dù cho trẻ được hoạt động tích cực nhưng vẫn là con đường mà thầy cô dẫn dắt. Con tàu đi đúng hướng là chất lượng học tập của con em chúng ta.

REFERENCES

Asher, James J. (2003). Total Physical Response. Sky Oaks Production, Inc.

Graham, Carolyn (2004). Let's Chant Let's Sing. OUP

Halliday, M.A.K. (1970). A Course in Spoken English. OUP

Larsen-Freeman, Diane (1986). Techniques and Principles in Language Teaching. OUP

Mrs Nakata (CD) a production of OUP on an MAT Training Course held in Ho Chi Minh City. Vietnam

Nakata, Ritsuko . The MAT Method Getting Student to Talk in an EFL Situation in Japan. Institute for the International English Education of Children.

Nakata, R, K. Frazier, B Hoskin, S. Wilkinson (2000) Let's Go series. OUP

Nakata, R, et.al (1999). Let's Go Picture Dictionary. OUP

Nguyen Quoc Hung (2000). A Model to Teach English Pronunciation to Vietnamese Learners. Ho Chi Minh Cty Publishers

Zerna, Gene (1997). Master Spoken English. SpeechMasters (Publishers)